|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH**  **VÀ XÃ HỘI**  Số: 119 /BC-LĐTBXH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2019* |

**BÁO CÁO TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU**

**Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM**

**HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI, ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đăng dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, website của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội[[1]](#footnote-1) và xin ý kiến góp ý các Bộ, ngành, địa phương và người dân[[2]](#footnote-2) đối với dự thảo Nghị định.

Đến nay, Bộ đã nhận được 247 ý kiến góp ý của 20 Bộ, ngành; 28 Sở LĐTBXH/UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương; và không có ý kiến từ website Chính phủ, website của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định như sau:

**1. Về dự thảo Tờ trình**

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã hoàn thiện dự thảo Tờ trình đúng với thể thức theo mẫu số 03 Phụ lục V của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời cụ thể hơn các nội dung chính của dự thảo Nghị định.

**2. Hoàn thiện dự thảo Nghị định**

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương đối với dự thảo Nghị định và hoàn thiện dự thảo Nghị định (Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến theo Phụ lục đính kèm)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Bộ trưởng (để b/c);  - Các Thứ trưởng;  - Lưu: VT,PC. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Lê Tấn Dũng** |

**Phụ lục:**

**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN**

**GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ NGƯỜI DÂN VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI,**

**ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 119 /BC-LĐTBXH ngày 17/10/2019)*

| **STT** | **Điều/ Khoản** | **Nội dung các ý kiến góp ý** | **Cơ quan** | **Tiếp thu/không tiếp thu** | | **Giải trình** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiếp thu** | **Không tiếp thu** |
| 1 | **Dự thảo Tờ trình** | Dự thảo tờ trình chưa nêu bật được sự cần thiết phải xây dựng và trình ban hành Nghị định này, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý nội dung của dự thảo Tờ trình theo hướng làm rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn ban hành Nghị định, đặc biệt là phân tích, làm rõ những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong quá trình triển khai thi hành Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 88/2015/NĐ-CP ngày 7/10/2015).  Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị định chỉnh lý dự thảo Tờ trình đúng với thể thức theo mẫu số 03 Phụ lục V của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Bộ Tư pháp | x |  |  |
| 2 | Đề nghị viết theo mẫu quy định tại Mẫu số 03 Phục lục V ban hành kèm theo NĐ 34/2016/NĐ-CP (bỏ nội dung phần V vì phần này có báo cáo tiếp thu và giải trình riêng ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp) | Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch | x |  |  |
| 3 | Sự cần thiết ban hành Nghị định đề nghị viết trực tiếp những vấn đề còn tồn tại và hạn chế tại Nghị định số 95/2013/NĐ-CP và Nghị định số 88/2015/NĐ-CP và những hành vi cần bổ dung do có những văn bản mới ban hành như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2017. Mặt khác, cần lược bỏ những nội dung phân tích sự cần thiết ban hành Nghị định này trên cơ sở các Luật XLVPHC, Luật BHXH, Luật ATVSLĐ và BLHS vì những nội dung này đã được phân tích tại Tờ trình Chính phủ khi trình dự thảo để ban hành NĐ 95/2013/NĐ-CP và NĐ 88/2015/NĐ-CP.  Về nội dung của dự thảo Nghị định cần phải bổ sung và hoàn thiện hơn về những hành vi được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ so với NĐ 95/2013/NĐ-CP và Nghị định 88/2015/NĐ-CP | x |  |  |
| 4 |  | Đồng ý với nội dung dự thảo Nghị định | Sở LĐTBXH các tỉnh: Sóc Trăng, Bình Phước, Cà Mau, Kiên Giang, Tuyên Quang, Hậu Giang, Quảng Ngãi, An Giang, Bạc Liêu. |  |  |  |
| 5 | **Điều 1** | Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về phạm vi điều chỉnh bao gồm “thủ tục xử phạt vi phạm hành chính…”. Trong khi đó, tại mục 2 Chương V dự thảo Nghị định không chỉ quy định về thủ tục xử phạt mà còn quy định việc “thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý quy định tại Điều 1 dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất với các nội dung quy định tại Mục 2 Chương V dự thảo Nghị định.  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể hơn phạm vi điều chỉnh về không gian, bảo đảm bao quát nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 54 dự thảo Nghị định “…hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam”. | Bộ Tư pháp | x |  |  |
| 6 | Đề nghị bổ sung quy định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính. Đồng thời bổ sung một điều quy định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính tại Chương V dự thảo cho phù hợp với quy định tại Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP. | Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch | x |  |  |
| 7 | **Điều 2** | Đề nghị sửa Điều 2 như sau:  “Điều 2. Đối tượng áp dụng   1. Người sử dụng lao động, người lao động có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. 2. Người có thẩm quyền xử phạt được quy định tại Chương IV của Nghị định này. 3. Các cá nhân, tổ chức khác có hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.”. | Thanh tra Chính phủ | x |  |  |
| 8 | - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung “người có thẩm quyền lập biên bản” vào đối tượng áp dụng nêu tại Điều 2 dự thảo Nghị định.  - Khoản 4 quy định đối tượng áp dụng bao gồm “tổ chức khác”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, quy định cụ thể hơn nội dung này, bảo đảm phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định. | Bộ Tư pháp | x |  | Tổ chức khác có thể là: tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức hoạt động dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động… |
| 9 | Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau để đảm bảo tính khái quát và đủ đối tượng áp dụng của Nghị định: “2. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này”. | Bộ Quốc phòng | x |  | Dự thảo Nghị định bổ sung đối tượng áp dụng là người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính. |
| 10 | Khoản 3, đề nghị sửa “quy định tại Chương IV của Nghị định này” thành “quy định tại Chương V Nghị định này” để đảm bảo chính xác. | Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ | x |  |  |
| 11 | Đề nghị cân nhắc về đối tượng áp dụng của Nghị định vì nội dung dự thảo chỉ quy định hành vi vi phạm hành chính và chức danh có thẩm quyền xử phạt | Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch | x |  |  |
| 12 | Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  “ 1. Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính   1. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính   Tổ chức cá nhân khác có liên quan đến việc đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính.” | UBND Tỉnh Tây Ninh |  | x |  |
| 13 | **Điều 3** | Khoản 1, bỏ đoạn văn bản “đồng thời hành vi vi phạm hành chính do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức thực hiện”, vì nội dung này đã được quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP. | Bộ Quốc phòng | x |  |  |
| 14 | Khoản 1 quy định “*đồng thời* hành vi vi phạm hành chính do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi…”, đề nghị bỏ cụm từ “đồng thời” tại Khoản này. | Bộ Thông tin và Truyền thông | x |  | Dự thảo đã bỏ đoạn “*đồng thời* hành vi vi phạm hành chính do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi” |
| 15 | Đề nghị nghiên cứu, xem xét lại các từ ngữ được giải thích tại Khoản 1, Điều 3 của dự thảo Nghị định cho phù hợp với quy định của Bộ luật, Luật khác như: “Hộ gia đình” không phải là tổ chức (theo Bộ luật dân sự, theo các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực Thương mại, Kinh doanh, Nghị định về đăng ký kinh doanh…); chỉnh sửa cụm từ “đồng thời hành vi vi phạm hành chính do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức thực hiện” thành “người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức thực hiện.”. | Sở LĐTBXH tỉnh Bình Thuận | x |  |  |
| 16 | Đề nghị nghiên cứu, xem xét lại nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 3 của dự thảo Nghị định cho phù hợp vì Khoản 3 Điều 3 quy định “Hành vi ở lại nước ngoài trái phép sau khi hết hạn hợp đồng được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 42 của Nghị định này” nhưng tại Điểm a Khoản 2 Điều 42 của dự thảo lại quy định về tuyển chọn, ký kết và thanh lý hợp đồng. | Sở LĐTBXH tỉnh Bình Thuận | x |  |  |
| 17 | Khoản 3 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “Hành vi ở lại nước ngoài trái phép... sẽ được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm **thành** Hành vi ở lại nước ngoài trái phép... sẽ được tính từ thời điểm kết thúc hành vi vi phạm”. Vì thời gian trốn ở nước ngoài lâu, tính từ khi phát hiện hành vi vi phạm thì khi trở về nước đã hết thời hiệu xử phạt. | UBND tỉnh Tây Ninh |  | x | Nếu tính từ thời điểm kết thúc sẽ không xử lý được đối với những người hiện vẫn đang ở nước ngoài trái phép và không có ý định về nước. Trong trường hợp này, không có thời điểm kết thúc hành vi để xử phạt. Việc quy định như dự thảo phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 6 của Luật XLVPHC năm 2012. |
| 18 | Thay cụm từ “điểm a khoản 2 Điều 42” thành “điểm a Khoản 2 Điều 46” | Bộ Tư pháp | x |  |  |
| 19 | **Điều 4** | Khoản 1: đề nghị bỏ nội dung “ Khoản 4 và khoản 5 Điều 29”. Lý do: Điều 29 không có khoản 4 và 5. | Bộ Tư pháp, Sở LĐTBXH Đà Nẵng, Bến Tre, Bình Thuận, Lào Cai | x |  |  |
| 20 | Khoản 1: Đề nghị sửa “Khoản 4 và 5 Điều 29 thành Khoản 4 và 5 Điều 25” đồng thời rà soát lại toàn bộ nội dung dự thảo để dẫn chiếu cho chính xác | Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn | x |  |  |
| 21 | - Đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý tên gọi của Điều 4 thành “mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt”. | Bộ Tư pháp | x |  |  |
| 22 | - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung cụm từ “là mức phạt đối với tổ chức” vào sau cụm từ “..từ Điều 40 đến Điều 45 của Nghị định này” |  | x |  |
| 23 | **Điều 5** | Đề nghị bổ sung thêm quy định mức phạt tiền đối với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm thu phí dịch vụ vượt mức quy định. | UBND Tỉnh Bến Tre |  | x | Từ ngày 01/7/2017, dịch vụ việc làm chuyển sang thực hiện giá dịch vụ, không còn phí dịch vụ việc làm. |
| 24 | Tại khoản 4, đề nghị bổ sung việc buộc nộp lại phí dịch vụ việc làm đã thu của người lao động vào ngân sách Nhà nước, đối với hành vi vi phạm thu vượt mức quy định. |  | x |
| 25 | Đề nghị bổ sung thêm hành vi xử phạt sau:  - Phạt tiền từ 10tr đồng đến 20tr đồng đối với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm có hành vi không xây dựng và niêm yết giá dịch vụ việc làm theo quy định | Sở LĐTBXH tỉnh Lâm Đồng |  | x |  |
| 25 | **Điều 6** | Khoản 3 đề nghị bổ sung phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật | Liên minh Hợp tác xã Việt Nam |  | x | Đã quy định tại 01 Điều. Vi phạm quy định về lao động chưa thanh niên tại dự thảo Nghị định (Điều 27 của dự thảo xin ý kiến). |
| 26 | Đề nghị sửa đổi tiêu đề của Điều 6 dự thảo thành “ Vi phạm về tuyển, quản lý và chế độ báo cáo lao động” và bổ sung vào khoản 1 Điều 6 hành vi không khai trình sử dụng lao động, không báo cáo không đảm bảo các nội dung cơ bản theo quy định của pháp luật. | UBND Tỉnh Quảng Trị |  | x | Quản lý lao động đã bao gồm chế độ báo cáo lao động. |
| 27 | Khoản 1: Đề nghị bổ sung thêm hành vi “không thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động”. | Sở LĐTBXH Đồng Nai | x |  |  |
| 28 | Đề nghị bổ sung điểm b vào Khoản 4 như sau: “b) Buộc người sử dụng lao động lập sổ quản lý lao động; ghi chép, cập nhật đầy đủ thông tin về người lao động đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này.”. | UBND tỉnh Quảng Ninh |  | x | Đây không phải biện pháp khắc phục hậu quả |
| 29 | Đề nghị bổ sung thêm hành vi phân biệt địa phương khi tuyển dụng | Sở LĐTBXH tỉnh Lâm Đồng |  | x |  |
| 30 | Bổ sung thêm hành vi vi phạm vào khoản 1: Không thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động. | UBND Tỉnh Đồng Nai | x |  |  |
| 31 | **Điều 7** | Khoản 3 đề nghị bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả: “buộc ký hợp đồng lao động theo đúng loại hợp đồng lao động với người lao động với hành vi vi phạm tại Khoản 1 Điều này”. | Liên minh Hợp tác xã Việt Nam | x |  |  |
| 32 | Đề nghị tăng gấp đôi mức xử phạt tại Khoản 1 nhằm giảm bớt tình trạng không ký hợp đồng lao động để né tránh đóng bảo hiểm xã hội.   * Theo đó mức xử phạt tại khoản 1 được tăng lên như sau:  1. Từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với vi phạm từ 01 người đến 10 người lao động; 2. Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với vi phạm từ 11 người đến 50 người lao động; 3. Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng với vi phạm từ 51 người đến 100 người lao động; 4. Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng với vi phạm từ 101 người đến 300 người lao động; 5. Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng với vi phạm từ 301 người lao động trở lên. | Sở LĐTBXH Tỉnh Phú Yên |  | x | Mức phạt này là mức phạt đối với cá nhân, đối với tổ chức thì mức xử phạt gấp 2 lần, do vậy, mức xử phạt quy định như dự thảo là hợp lý và để tương xứng với các hành vi vi phạm khác trong dự thảo Nghị định. |
| 33 | Bổ sung thêm hành vi vi phạm vào khoản 1: Giao kết một loại hợp đồng lao động nhiều lần đối với người lao động | UBND Tỉnh Đồng Nai |  | x | Khi giao kết 01 loại hợp đồng lao động nhiều lần sẽ trùng với hành vi vi phạm “giao kết không đúng loại hợp đồng lao động” đã được quy định tại Khoản 1 Điều 7, do vậy không cần phải bổ sung. |
| 34 | Đề nghị thay cụm từ “trên 3 tháng” bằng cụm từ “từ đủ 3 tháng” tại Khoản 1 cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2012: “Đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới 03 tháng, các bên có thể giao kết hợp đồng bằng lời nói”. | UBND tỉnh Quảng Ninh | x |  |  |
| 35 | Bổ sung thêm một khoản quy định riêng về sử dụng lao động trong lĩnh vực dịch vụ như: ăn, uống, múa hát, vật lý trị liệu như trong các cơ sở: massage, karaoke, vũ trường, quán bar, quán bán bia rượu, hát cho nhau nghe…về hành vi không giao kết hợp đồng lao động với mức phạt nghiêm khắc từ 3 tr đến 5 tr cho mỗi người lao động không giao kết hợp đồng lao động. | Sở LĐTBXH tỉnh Lâm Đồng |  | x |  |
| 36 | Khoản 2 Điểm a: Đề nghị sửa như sau: “a) Giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động.” | Sở LĐTBXH Hải Dương | x |  |  |
| 37 | Đề nghị bổ sung thêm hành vi “Phạt tiền người sử dụng lao động không giao kết hợp đồng lao động đã ký kết cho người lao động giữ 01 bản (theo quy định tại Điều 16 của Bộ luật lao động”. | Sở LĐTBXH tỉnh Bình Thuận |  | x | Đây là quyền và trách nhiệm của người lao động khi giao kết hợp đồng lao động, không cần xử phạt. |
| 38 | **Điều 8** | đề nghị bổ sung thêm việc buộc phải giao kết hợp đồng lao động đối với hành vi vi phạm tại Điểm d Khoản 2 điều này  *Lý do: Điểm d Khoản 2 quy định: kết thúc thời gian thử việc, người lao động vẫn tiếp tục làm việc mà ngưởi sử dụng lao động không giao kết hợp đồng lao động với người lao động*. | UBND Tỉnh Bến Tre | x |  |  |
| 39 | Bổ sung thêm khoản 3 về biện pháp khắc phục hậu quả: Người sử dụng lao động phải thực hiện giao kết hợp đồng lao động với người lao động với hành vi vi phạm tại điểm d khoản 2 này. | UBND Tỉnh Lào Cai | x |  |  |
| 40 | Khoản 1: Sửa đổi mức phạt là 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với 1 người lao động. | Sở LĐTBXH tỉnh Lâm Đồng | x |  | Dự thảo tiếp thu theo hướng tăng mức xử phạt để phù hợp với khoản 2 Điều này. |
| 41 | Bổ sung thêm hành vi vi phạm vào Điểm a Khoản 2: Hoặc yêu cầu người lao động đồng thời thử việc và học việc. | UBND Tỉnh Đồng Nai |  | x | Pháp luật không cấm nên không quy định để xử phạt |
| 42 | Đề nghị tăng mức xử phạt để tương xứng với mức độ vi phạm (Khoản 1 tăng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng; Khoản 2 tăng từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng). | Sở LĐTBXH Phú Yên | x |  | Tiếp thu Khoản 1 |
| 43 | Khoản 3 đề nghị bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “buộc ký hợp đồng lao động theo đúng loại hợp đồng lao động với người lao động đạt thử việc”. | Liên minh Hợp tác xã Việt Nam | x |  |  |
| 44 | **Điều 9** | Điểm a Khoản 1, đề nghị quy định cụ thể trường hợp ngoại lệ quy định tại Điều 31 Bộ luật lao động vì:   * Đối tượng áp dụng ngay thông tin cho những trường hợp ngoại lệ này mà không phải đối chiếu Bộ luật lao động; * BLLĐ đang trong giai đoạn sửa đổi và dự kiến hoàn thiện trong thời gian tới. Như vậy, để NĐ có tính bền vững, không phải sửa đổi lại nếu BLLĐ sửa thì trong trường hợp này, NĐ nên quy định chi tiết các trường hợp ngoại lệ mà NSDLĐ được bố trí NLĐ làm việc ở địa điểm khác với địa điểm làm việc đã thỏa thuận trong HĐLĐ mà không bị xử phạt. * Tương tự tại Điều 16.3.a, Điều 27.4…nên xem xét lại việc đối chiếu sang BLLĐ trong lộ trình sửa đổi trong thời gian ngắn tới | Liên minh Hợp tác xã Việt Nam |  | x | - Nghị định này chỉ quy định xử phạt những hành vi vi phạm BLLĐ 2012 và các văn bản hướng dẫn, nên việc dẫn chiếu là hoàn toàn hợp lý.  - Đây là pháp luật hình thức, không phải pháp luật nội dung nên không thể hướng dẫn thực hiện những quy định trong Luật được, mà chỉ viện dẫn những quy định trong pháp luật nội dung (luật và các văn bản hướng dẫn chi tiết thực hiện luật) để làm căn cứ xác định hành vi vi phạm pháp luật và xử phạt nhằm đảm bảo tính răn đe và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. |
| 45 | Tại khoản 2 cần quy định cụ thể các hành vi cưỡng bức lao động để làm căn cứ xử lý. | UBND Tỉnh Đồng Nai | x |  | Khoản 3 Điều 10 của Bộ luật Lao động đã giải thích thế nào là “cưỡng bức lao động”. |
| 46 | Tại Khoản 2: Đề nghị làm rõ hành vi nào được xem là cưỡng bức lao động | Sở LĐTBXH tỉnh Lâm Đồng | x |  |
| 47 | Khoản 2 đề nghị chuyển hành vi phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi cưỡng bức lao động sang Điều 6. Vi phạm về tuyển, quản lý lao động | Liên minh Hợp tác xã Việt Nam |  | x | Hành vi “cưỡng bức lao động” là hành vi sảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, do vậy, đề nghị giữ nguyên như dự thảo. |
| 48 | Khoản 3: Đề nghị bổ sung như sau: “Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lương và đóng đủ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động trong những ngày không nhận người lao động trở lại làm việc sau khi hết thời hạn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này”. | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | x |  |  |
| 49 | Khoản 3: Đề nghị bổ sung thêm biện pháp khắc phục hậu quả “người sử dụng lao động phải bố trí người lao động đúng với địa điểm đã ghi trong hợp đồng lao động nếu vi phạm điểm a Khoản 1 Điều này; nhận lại người lao động trở lại làm việc nếu vi phạm điểm b Khoản 1 Điều này; bố trí người lao động làm công việc đã ghi trong hợp đồng lao động nếu vi phạm điểm c Khoản 1 Điều này. | Sở LĐTBXH Lào Cai |  | x |  |
| 50 | Khoản a, đề nghị bổ sung cụm từ “được sự đồng ý của người lao động bằng văn bản hoặc các” sau cụm từ “trường hợp”. | Sở LĐTBXH tỉnh Khánh Hòa |  | x | Không rõ nội dung góp ý |
| 51 | **Điều 10** | Tại khoản 1: đề nghị bỏ cụm từ : “ hoặc khi sửa đổi thời hạn hợp đồng lao động bằng phụ lục hợp đồng lao động làm thay đổi loại hợp đồng đã giao kết. Sau khi sửa đổi, viết lại như sau: “ 1. Phạt tiền người sử dụng lao động có một trong các hành vi: sửa đổi quá một lần thời hạn hợp đồng lao động bằng phụ lục hợp đồng lao động; không thực hiện đúng quy định về thời hạn thanh toán các khoản về quyền lợi của người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động; không trả hoặc trả không đủ tiền trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định của pháp luật; không trả hoặc trả không đủ tiền bồi thường cho người lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; không hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại những giấy tờ khác đã giữ của người lao động sau khi chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật theo một trong các mức sau đây:...” | UBND Tỉnh Hà Giang |  | x | Trên thực tế có nhiều trường hợp sửa đổi thời hạn của hợp đồng lao động bằng phụ lục hợp đồng làm thay đổi loại của hợp đồng lao động, vi phạm quy định tại Điều 5 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động. |
| 52 | Tại điểm a khoản 2, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “ bằng văn bản” . sau khi sửa đổi viết lại như sau: “ a. Cho thôi việc từ 02 người lao động trở lên mà không trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở hoặc không thông báo **bằng văn bản** trước 30 ngày cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế. | x |  | Phù hợp với Khoản 4 Điều 1 Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP. |
| 53 | Khoản 3: Đề nghị bổ sung nội dung: Bồi thường tiền chế độ BHXH, BHTN cho người lao động không được hưởng do đơn vị sử dụng lao động chậm trả hồ sơ sau khi chấm dứt quan hệ lao động | Bảo hiểm xã hội Việt Nam |  | x | Trên thực tế không có trường hợp nào người lao động bị mất chế độ BHXH, BHTN vì thiếu hồ sơ hưởng. Đối với chế độ BHXH thì khi nào đủ hồ sơ, người lao động có thể làm thủ tục hưởng chế độ BHXH lúc bấy giờ. Đối với chế độ bảo hiểm thất nghiệp, thời điểm đó không đủ hồ sơ thì thời gian được tính hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp được cộng dồn để tính hưởng lần sau. Do vậy, chỉ cần bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả là buộc người sử dụng lao động hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại những giấy tờ khác đã giữ của người lao động là đủ. |
| 54 | Khoản 1: Đề nghị bổ sung hành vi không giao kết phụ lục hợp đồng khi thay đổi nội dung đã giao kết | Sở LĐTBXH Lâm Đồng |  | x | Khi 2 bên thay đổi nội dung đã giao kết, 2 bên không bắt buộc phải giao kết phụ lục hợp đồng mà có thể giao kết hợp đồng mới. |
| 55 | **Điều 11** | Khoản 8, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại đề mục như sau: “9. Biện pháp khắc phục hậu quả:” | UBND Tỉnh Hà Giang | x |  |  |
| 56 | Bổ sung hành vi vi phạm vào khoản 5: Sử dụng giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động đã hết hiệu lực. | UBND Tỉnh Đồng Nai | x |  |  |
| 57 | Điều chỉnh số thứ tự tại biện pháp khắc phục hậu quả: số 8 bằng 9. | x |  |  |
| 58 | Bổ sung thêm chữ “đồng” vào khoản 6 điều 11 sau 75.000.000; | x |  |  |
| 59 | Khoản 1a : đề nghị thay từ “quy chế” thành “quy định”. | Sở LĐTBXH Lâm Đồng |  | x | Đảm bảo phù hợp với Khoản 1 Điều 57 Bộ luật lao động, sử dụng từ “quy chế” chứ không dùng từ “quy định”. |
| 60 | 1. Tại Khoản 1 Điều 10; Khoản 4 Điều 11; Khoản 2 Điều 12; Khoản 3 Điều 14; Khoản 3, Khoản 5 Điều 15; Khoản 2 Điều 16 khoảng cách số người vi phạm nhiều từ 11 người đến 50 người ; từ 51 người đến 100 người; từ 101 người đến 300 người, …: cần giảm khoảng cách số người vi phạm xuống 50 người.  Sửa thành:  a) Mức phạt từ 2tr đồng đến 5tr đồng với vi phạm dưới 50 người;  b) Mức phạt từ 5tr đồng đến 10tr đồng từ 51 người đến 100 người;  c) Mức phạt từ 10tr đồng đến 15tr đồng từ 101 người đến 150 người;  d) Mức phạt từ 15tr đồng đến 20tr đồng từ 151 người đến 200 người.  2. Tại điểm a Khoản 2 cho thôi việc từ 02 người lao động trở lên mà không trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động; người lao động trước 30 ngày…sửa thành “cho thôi việc từ 01 người lao động trở lên mà không trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động; người lao động trước 60 ngày. Vì đối với con người một người cũng rất quan trọng và thời gian để cơ quan nhà nước, cá nhân biết để có phương án tìm kiếm việc làm do đó cần phải thay đổi số người và thời gian. | Sở LĐTBXH Hà Tĩnh |  | x | Đảm bảo phù hợp với Điều 44 của Bộ luật lao động và Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015 và Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018. |
| 61 | Khoản 5, 6 ghép thành 01 khoản vì quy định cùng một mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng | Bộ Tư pháp | x |  |  |
| 62 | Điểm c Khoản 8 quy định biện pháp khắc phục hậu quả “buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính”. Trên thực tế, buộc chấm dứt hành vi vi phạm là khâu đầu tiên và là khâu bắt buộc của thủ tục xử phạt vi phạm hành chính, được người có thẩm quyền đang thi hành công vụ áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính đang diễn ra nhằm chấm dứt ngay hành vi vi phạm (Điều 55 Luật XLVPHC). Do vậy, việc quy định “buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính” là biện pháp khắc phục hậu quả sẽ không phù hợp với quy định của Luật XLVPHC. | x |  |  |
| 63 | **Điều 13** | Khoản 1: Đề nghị bổ sung hành vi “không xây dựng Quy chế dân chủ tại cơ sở”. | Sở LĐTBXH Đồng Nai |  | x | Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật đã bao gồm hành vi xây dựng quy chế dân chủ tại cơ sở, do vậy, không cần bổ sung hành vi này. |
| 64 | **Điều 14** | Bổ sung hành vi vi phạm vào khoản 2: không thỏa thuận việc nâng bậc, nâng lương trong hợp đồng lao động vào Thỏa ước lao động tập thể hoặc không xây dựng quy chế nâng lương, xét thưởng cho người lao động. | UBND Tỉnh Đồng Nai |  | x | Quyền của các bên có hoặc không thỏa thuận về nội dung này trong Thỏa ước lao động tập thể. |
| 65 | Bỏ Điểm b khoản 1 vì không cần thiết. |  | x | Quy định này nhằm bảo thực hiện Điều 82 của Bộ luật lao động |
| 66 | Đề nghị xem lại điểm b Khoản 2 Điều 14 và Điểm a Khoản 2 Điều 33 cho thống nhất, vì tổ chức công đoàn là đại diện cho tập thể người lao động để thương lượng ký kết thỏa ước lao động tập thể nên 2 hành vi trên là một nhưng mức xử phạt khác nhau. | x |  |  |
| 67 | Đề nghị sửa đổi nội dung sau tại điểm b khoản 2:  **“** không tiến hành thương lượng tập thể để ký kết hoặc sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể khi nhận được yêu cầu của đại diện người lao động hoặc BCH Công đoàn cơ sở”; | Sở LĐTBXH Đà Nẵng |  | x | Vì thương lượng có thể là thương lượng tập thể cấp doanh nghiệp hoặc cấp ngành, do vậy chủ thể là khác nhau, nên không cần thiết phải liệt kê cụ thể ra. |
| 68 | **Điều 15** | Khoản 2: Đề nghị bổ sung hình thức phạt tiền đối với người sử dụng lao động không tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở khi xây dựng thang, bảng lương, định mức lao động. | UBND Tỉnh Bến Tre | x |  |  |
| 69 | Tại khoản 3: Đề nghị bổ sung cụm từ “theo qui định tại Điều 96 của Bộ luật Lao động năm 2012” vào trước cụm từ “trả lương thấp hơn mức qui định tại thang lương, bảng lương đã gửi cho cơ quan quản lý Nhà nước về lao động cấp huyện;..” để nội dung được chặt chẽ và đầy đủ hơn |  | x |  |
| 70 | Khoản 1: Đề nghị nâng mức phạt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng | Sở LĐTBXH Hải Dương |  | x | Mức phạt quá cao, không tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi |
| 71 | Khoản 3: Đề nghị bổ sung hành vi: “không trả hoặc trả không đủ số tiền ngày nghỉ hằng năm trong trường hợp không bố trí được cho người lao động nghỉ hằng năm”. |  | x | Hành vi này đã được quy định tại cuối Khoản 3 Điều này. |
| 72 | Khoản 2: Đề nghị bổ sung hành vi không nâng bậc lương cho người lao động theo quy định tại thang lương, bảng lương đã gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp huyện | Sở LĐTBXH Quảng Trị |  | x |  |
|  | Khoản 2: Đề nghị bổ sung hành vi không lập sổ lương và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu | x |  |  |
| 73 | Khoản 3: Đề nghị bổ sung chế tài xử phạt đối với hành vi không trả lương hoặc trả lương không đầy đủ cho người lao động vào những ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ hàng năm, nghỉ việc riêng hưởng nguyên lương | Sở LĐTBXH Quảng Trị | x |  |  |
| 74 | Xử phạt vi phạm về tiền lương làm thêm giờ nên áp dụng theo số lượng | Sở LĐTBXH Hải Dương | x |  | Dự thảo hiện đang thể hiện theo hướng này. |
| 75 | Mức phạt tiền do hành vi vi phạm quy định về báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động quy định tại Điều 15 dự thảo Nghị định là cao so với các hành vi vi phạm về báo cáo khác, vì vậy, đề nghị điều chỉnh mức phạt xuống mức từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng | Sở LĐTBXH Quảng Trị | x |  |  |
| 76 | Khoản 1: Đề nghị tăng mức phạt lên từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng | Sở LĐTBXH Lâm Đồng |  | x | Không cần thiết, vì quy định về việc gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động này đang được nghiên cứu để hủy bỏ quy định này. |
| 77 | Khoản 2: Đề nghị tăng mức phạt lên từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. |  | x | Không cần thiết, không tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi |
| 78 | **Điều 16** | Bổ sung hành vi vi phạm vào khoản 1: không đảm bảo cho người lao động nghỉ trong giờ làm thêm theo quy định. | UBND Tỉnh Đồng Nai |  | x | Bộ luật lao động không quy định bắt buộc doanh nghiệp phải cho người lao động nghỉ trong giờ làm thêm. |
| 79 | Bỏ khoản 5 vì hình thức xử phạt quy định tại khoản này thực tế không thể thực hiện được. | x |  |  |
| 80 | Điều chỉnh mức tiền phạt quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 16: “ Từ 4.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.” | x |  |  |
| 81 | Khoản 2 (trong dự thảo): Đề nghị bổ sung thêm hành vi nghỉ giữa ca, chuyển tiếp giữa 2 ca, nghỉ việc riêng | Sở LĐTBXH Lâm Đồng |  | x | Đã được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này. |
| 82 | Điểm d Khoản 4: Đề nghị sửa “4.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng” thành “40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng”. | Sở LĐTBXH Hải Dương, Phú Yên | x |  |  |
| 83 | Khoản 5 quy định hình thức xử phạt bổ sung đối với người sử dụng lao động có hành vi huy động người lao động làm thêm giờ vượt quá số giờ theo quy định của pháp luật đối với số lao động từ 101 người trở lên thì bị “đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng”. Tuy nhiên, đề nghị cân nhắc việc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung này, vì nếu đình chỉ hoạt động của doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng đến người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp này (tạm thời không có việc làm, không có thu nhập). | Bộ Giáo dục và Đào tạo | x |  |  |
| 84 | Khoản 5: Đề nghị bỏ vì trên thực tế trong trường hợp đình chỉ hoạt động doanh nghiệp sẽ gây hậu quả rất lớn đối với doanh nghiệp cũng như ảnh hưởng trực tiếp đến lương và các khoản khác của người lao động trong thời gian bị đình chỉ | Sở LĐTBXH Hải Dương | x |  |  |
| 85 | Đề nghị xem xét lại hình thức xử phạt bổ sung: “Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với người sử dụng lao động” quy định tại Khoản 6 Điều 15; Khoản 5 Điều 16; Khoản 4 Điều 30, vì: Khi đình chỉ hoạt động của doanh nghiệp, người sử dụng lao động thì sẽ ảnh hưởng, gây thiệt thòi đến người lao động; khi người lao động nước ngoài không có giấy phép lao động mà đình chỉ hoạt động cả doanh nghiệp thì người lao động Việt Nam trong doanh nghiệp đó bị ảnh hưởng theo | UBND tỉnh Quảng Ninh | x |  |  |
| 86 | **Điều 17** | Khoản 1: Đề nghị tăng mức phạt lên từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng | Sở LĐTBXH Lâm Đồng |  | x |  |
| 87 | Khoản 3: Đề nghị bổ sung hành vi xử lý vắng mặt người lao động không có lý do chính đáng |  | x | Đã được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này. |
| 88 | Điểm a Khoản 3, đề nghị sửa thành “Khi xử lý kỷ luật người lao động mà người sử dụng lao động có hành vi xâm phạm thân thể, nhân phẩm của người lao động nhưng chưa đến mức xử lý hình sự” | Sở LĐTBXH Lào Cai | x |  | Tiếp thu một phần |
| 89 | Bổ sung điểm c Khoản 4 về biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc xin lỗi công khai đối với người lao động khi vi phạm tại điểm a Khoản 3 Điều này và chịu trách nhiệm toàn bộ chi phí điều trị, trả tiền lương cho người lao động trong thời gian điều trị nếu việc xâm phạm gây tổn thương về thân thể người lao động đến mức phải điều trị tại các cơ sở y tế”. | x |  |  |
| 90 | **Điều 18** | Tại Khoản 2 Điều 18 đề nghị bổ sung thêm các nội dung sau:  "a) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ; không chính xác; không đúng thời hạn về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.  b) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ; không chính xác; không đúng thời hạn về công tác y tế lao động theo quy định của pháp luật.  c) Không thông báo thông tin về người làm công tác y tế hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký hợp đồng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người lao động cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định."  *Lý do: Hiện nay việc báo cáo y tế lao động của cơ sở lao động đã được quy định tại Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.* | Bộ Y tế | x |  | Tiếp thu một phần |
| 91 | Đề nghị sửa lại như sau:  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người lao động khi không báo cáo kịp thời với người có trách xnhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người lao động khi không thống kê, báo cáo định kỳ hoặc không báo cáo về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật,  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi sau đây: che giấu, khai báo, báo cáo sai sự thật về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng. | UBND Tỉnh Hà Giang | x |  | Tiếp thu một phần |
| 92 | Điểm a Khoản 1, đề nghị sửa đổi thành “không thực hiện việc báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật” | Sở LĐTBXH Lào Cai |  | x | Đã được quy định bởi hành vi báo cáo không đúng thời hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật. |
| 93 | Khoản 1b: Đề nghị tách hành vi che giấu báo cáo sai sự thật về tai nạn lao động chết người với mức phạt cao hơn | Sở LĐTBXH tỉnh Lâm Đồng | x |  | Tách thành hành vi “không thống kê, báo cáo định kỳ về tai nạn lao động theo quy định của pháp luật”. Việc xác định là hành vi che giấu báo cáo sai sự thật về tai nạn lao động chết người có thể sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 18 của Bộ luật Hình sự. |
| 94 | Đề nghị xem xét chuyển đổi thứ tự điều khoản tại Điều 18 (chuyển khoản 1 thành khoản 2 và ngược lại) | Bộ Tư pháp, Sở LĐTBXH Phú Thọ | x |  |  |
| 95 | Để nghi sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:  - Tên gọi: “Điều 18. Vi phạm quy định về báo cáo công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động; báo cáo tai nạn lao động”.  - Bổ sung điểm b Khoản 1: Không thống kê, báo cáo định kỳ; che giấu, khai báo không kịp thời; cố tình làm thay đổi hiện trường vụ tai nạn lao động mà không liên quan đến việc cứu hộ, cứu nạn; báo cáo sai sự thật về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng. | UBND tỉnh Quảng Ninh |  | x |  |
| 96 | **Điều 19** | 1. Đề nghị bổ sung Khoản 1 các nội dung sau đây:   "c) Không bố trí bộ phận hoặc người làm công tác y tế;  d) Bố trí người có chuyên môn không phù hợp làm công tác y tế;  đ) Bố trí người làm công tác y tế không có chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động;  h) Không bố trí đủ lực lượng sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo quy định;  i) Không bố trí đủ túi thuốc sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo quy định;  k) Không tổ chức huấn luyện cho lực lượng sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo quy định;  l) Không bố trí khu vực sơ cứu cấp cứu tại nơi làm việc theo quy định;"  2. Đề nghị bỏ điểm d khoản 1 "Không trang bị đầy đủ các phương tiện kỹ thuật, y tế thích hợp để bảo đảm ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động".  3. Đề nghị bổ sung tại Khoản 2 các nội dung sau đây:  "a) Không lập hoặc không cập nhật hồ sơ vệ sinh môi trường lao động hoặc hồ sơ vệ sinh môi trường lao động không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật;  b) Không bảo đảm đủ công trình vệ sinh phúc lợi tại nơi làm việc theo quy định;  đ) Không xây dựng, ban hành kế hoạch xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp tại nơi làm việc hoặc kế hoạch không đủ nội dung theo quy định;".  4. Đề nghị bỏ điểm b Khoản 2 của dự thảo: "b) Không định kỳ đo lường, các yếu tố có hại tại nơi làm việc theo quy định;". | Bộ Y tế | x |  | Tiếp thu một phần |
| 97 | Đề nghị bổ sung thêm một số hành vi như:  - Phạt tiền người sử dụng lao động không xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc (Theo quy định tại Điều 15 Luật An toàn, vệ sinh lao động).  - Phạt tiền người sử dụng lao động không bố trí người giám sát, kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật (Theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 7 Luật An toàn, vệ sinh lao động).  - Phạt tiền người sử dụng lao động không kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân của người lao động trong lúc làm việc (theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/2/2014 của Bộ LĐTBXH). | Sở LĐTBXH tỉnh Bình Thuận | x |  | Tiếp thu một phần |
| 98 | Điểm c Khoản 2: đề nghị sửa đổi nội dung “không trang bị thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc” thành nội dung “không đảm bảo máy, thiết bị, vật tư, chất được sử dụng, vận hành, bảo trì, bảo quản tại nơi làm việc theo quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động hoặc đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động đã được công bố, áp dụng”. | Sở LĐTBXH thành phố Đà Nẵng |  | x |  |
| 99 | Điểm h Khoản 2 quy định “không khai báo, điều tra tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng”, đề nghị sửa đổi, bổ sung thành “không khai báo, điều tra tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng hoặc khai báo, điều tra tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng chậm muộn theo quy định pháp luật”; | Sở LĐTBXH Lào Cai |  | x | Dự thảo đã quy định xử phạt đối với hành vi " *Không điều tra tai nạn lao động thuộc trách nhiệm theo quy định của pháp luật; không khai báo hoặc khai báo sai sự thật về tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng;”.* |
| 100 | Điểm c Khoản 3: Đề nghị bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “buộc người sử dụng lao động phải thực hiện việc khai báo, điều tra tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng theo quy định”. |  | x |
| 101 | Đề nghị chuyển điểm đ khoản 1 sang điểm i Khoản 2 và sửa đổi như sau: “i) Không phân loại lao động hoặc phân loại không đầy đủ lao động theo danh mục công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm để thực hiện các chế độ theo quy định”. | Sở LĐTBXH Hải Dương |  | x |  |
| 102 | Khoản 2a: đề nghị bổ sung như sau: Không định kỳ đo lường các yếu tố có hại tại nơi làm việc có phát sinh yếu tố độc hại, nguy hiểm trong quá trình bảo quản, sử dụng | Sở LĐTBXH Lâm Đồng |  | x | Đã thể hiện ở Khoản 1,2 Điều 25 dự thảo 2 Nghị định (dự thảo xin ý kiến) |
| 103 | Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  - Bổ sung vào Khoản 1 các hành vi vi phạm sau: (1) Không xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm theo quy định tại Điều 76 Luật An toàn vệ sinh lao động; (2) Không xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 15 Luật An toàn, vệ sinh lao động.  - Bổ sung, sửa đổi điểm b Khoản 1 như sau: “b) Không bố trí bộ phận hoặc người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động; không bố trí bộ phận hoặc người làm công tác y tế để thực hiện việc quản lý sức khỏe của người lao động (Điều 73, Luật ATVSLĐ)  - Bổ sung vào Khoản 1 các hành vi vi phạm sau: Không lập kế hoạch và tổ chức việc tự kiểm tra định kỳ, đột xuất về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 80 Luật ANVSLĐ.  - Tại điểm a Khoản 2: đề nghị bỏ cụm từ “đo lường”, thay bằng cụm từ “quan trắc” để đảm bảo tính thống nhất theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016.  - Bổ sung điểm e Khoản 2 Điều 19 như sau: “e) Không đảm bảo điều kiện an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với nhà xưởng, nơi làm việc theo quy định”. | UBND tỉnh Quảng Ninh | x |  |  |
| 104 | Đề nghị bổ sung thêm “không xây dựng kế hoạch, nội quy, quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động hoặc khi xây dựng không lấy ý kiến của ban chấp hành công đoàn cơ sở | Sở LĐTBXH tỉnh Hà Tĩnh | x |  |  |
| 105 | Điểm b Khoản 1: Bổ sung cụm từ “theo quy định của pháp luật” sau cụm từ “an toàn, vệ sinh lao động”. | Sở LĐTBXH tỉnh Khánh Hòa |  | x |  |
| 106 | Điểm c Khoản 1: Sửa đổi, bổ sung cụm từ “không có biển cảnh báo, bảng chỉ dẫn bằng tiếng Việt” thành cụm từ “Không có biển cảnh báo, nội quy, quy trình, hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam” |  | x | Phù hợp với Khoản 6 Điều 16 Luật ATVSLĐ. |
| 107 | Điểm d Khoản 1: Sửa đổi, bổ sung cụm từ “không trang bị đầy đủ các phương tiện kỹ thuật, y tế thích hợp để bảo đảm ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động” thành cụm từ “không trang bị đầy đủ các phương tiện kỹ thuật, y tế để đảm bảo ứng cứu, sơ cứu kịp thời khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động”. | x |  |  |
|  | Điểm b Khoản 1 và điểm g Khoản 2: cùng một hành vi VPHC như nhau nhưng lại có mức xử phạt khác nhau, dẫn đến việc khó áp dụng và xảy ra khiếu nại, đề nghị sửa đổi lại để thống nhất thực hiện | x |  |  |
| 108 | Đề nghị bỏ Điểm a Khoản 2 Điều 19 vì trùng nội dung với khoản 2 Điều 25 | x |  |  |
| 109 | **Điều 20** | a) Đề nghị sửa lại khoản 2 như sau:  "2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi sau đây:  a) Không tổ chức khám sức khỏe cho người lao động trước khi bố trí làm việc;  b) Không lập hồ sơ sức khỏe người lao động theo quy định của pháp luật;  c) Không điều trị, điều dưỡng phục hồi chức năng cho người lao động mắc bệnh nghề nghiệp hoặc tai nạn lao động;  d) Không thông tin về tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, các yếu tố nguy hiểm, có hại và các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc cho người lao động;  đ) Không bố trí công việc phù hợp với sức khỏe người lao động bị bệnh nghề nghiệp, bị tai nạn lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa;"  e) Đề nghị bổ sung thêm Khoản 4, Khoản 5 như sau:  "4. Phạt tiền người sử dụng lao động không tổ chức khám sức khoẻ định kỳ hoặc tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động không đủ số lượng theo một trong các mức sau đây:  a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với vi phạm từ 01 người đến 50 người;  b) Từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng với vi phạm từ 51 người đến 200 người;  c) Từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng với vi phạm từ 201 người đến 500 người;  d) Từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng với vi phạm từ 501 người trở lên.  5. Phạt tiền người sử dụng lao động không tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động hoặc tổ chức khám bệnh nghề nghiệp không đủ số lượng theo quy định một trong các mức sau đây:  a) Từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng với vi phạm từ 01 người đến 50 người;  b) Từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng với vi phạm từ 51 người đến 200 người;  c) Từ 60.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng với vi phạm từ 201 người đến 500 người;  d) Từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng với vi phạm từ 501 người trở lên." | Bộ Y tế | x |  | Tiếp thu một phần |
| 110 | Bổ sung thêm hành vi vi phạm vào khoản 6: Trang bị phương tiện cá nhân cho người lao động không đầy đủ theo quy định. | UBND Tỉnh Đồng Nai | x |  |  |
| 111 | Khoản 2 quy định “Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động không đủ số lượng”, tuy nhiên nội dung dự thảo không quy định rõ “không đủ số lượng” so với số lượng người lao động được báo cáo hay số lượng lao động trên thực tế khi được kiểm tra, thanh tra | Sở LĐTBXH Phú Yên | x |  |  |
| 112 | Khoản 2: Đề nghị chia mức phạt theo số người hoặc theo mỗi người | Sở LĐTBXH Lâm Đồng | x |  |  |
| 113 | Khoản 3a: Đề nghị chia mức phạt theo số người hoặc theo mỗi người | x |  | Dự thảo hiện đang chia theo số người |
| 114 | Khoản 5: Đề nghị bổ sung hành vi không có chứng chỉ vận hành máy thiết bị chuyên dùng |  | x |  |
| 115 | Điểm c Khoản 3: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau “c) Không tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động hoặc tổ chức khám sức khỏe định kỳ không đủ số người lao động làm việc tại doanh nghiệp theo quy định.”. | Sở LĐTBXH Hải Dương | x |  | Tiếp thu một phần theo hướng quy định xử phạt đối với hành vi “không tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo quy định”. |
| 116 | Khoản 6: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau “Không trang cấp hoặc trang cấp không đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân hoặc có trang bị nhưng không đạt tiêu chuẩn về chất lượng, quy cách theo quy chuẩn kỹ thuật đối với người làm công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại”. | x |  |  |
| 117 | Bổ sung Khoản 2 như sau: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động không đủ số lượng, không đủ số lần trong năm. | UBND tỉnh Quảng Ninh | x |  | Tiếp thu một phần theo hướng quy định xử phạt đối với hành vi “không tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo quy định”. |
| 118 | Các hành vi: Không điều trị, không tổ chức khám sức khỏe định kỳ, không khám bệnh nghề nghiệp nêu tại điểm a, điểm c, điểm d Khoản 3: đề nghị chia mức phạt tính theo số lượng người lao động. |  | x |  |
| 119 | Bổ sung điểm a Khoản 4 như sau: “a) Không thực hiện ngay những biện pháp khắc phục hoặc ngừng hoạt động của máy, thiết bị, nơi làm việc có nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố nghiêm trọng”. |  | x | Hiện nay Luật ATVSLĐ không sử dụng cụm từ “sự cố nghiêm trọng”. |
| 120 | Đề nghị viết lại điểm c Khoản 4 cho rõ nghĩa | x |  |  |
| 121 | Tại Khoản 5: đề nghị thay cụm từ “thẻ an toàn” bằng “thẻ an toàn lao động”. |  | x | Trong Luật ATVSLĐ sử dụng cụm từ “thẻ an toàn”. |
| 122 | Đề nghị xem lại hành vi nêu tại Khoản 8 thực chất là hành vi đã nêu tại điểm e Khoản 3 |  | x | Hành vi này quy định cụ thể trách nhiệm đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp |
| 123 | Tại điểm c Khoản 3 nêu không tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, ví dụ doanh nghiệp có 100 người lao động mà tổ chức khám sức khỏe 50 người lao động còn 50 người không khám thì chưa có quy định xử phạt vậy bổ sung thêm số người vi phạm.   1. Mức phạt 2tr đồng đến 5tr đồng với vi phạm dưới 50 người; 2. Mức phạt 10tr đồng đến 20tr đồng từ 51 người đến 100 người; 3. Mức phạt 20tr đồng đến 25tr đồng từ 101 người đến 150 người; 4. Mức phạt 25tr đồng đến 50tr đồng từ 151 người trở lên. | Sở LĐTBXH tỉnh Hà Tĩnh |  | x |  |
| 124 | Khoản 7 đề nghị bổ sung cụm từ “ có hành vi” vào sau cụm từ “ phạt tiền người sử dụng lao động” để làm rõ hành vi vi phạm của người sử dụng lao động. | UBND Tỉnh Bến Tre | x |  |  |
| 125 | **Điều 21** | Tại Khoản 2 Điều 21: Đề nghị bổ sung điểm b như sau: "b) Không hoàn chỉnh hồ sơ và giới thiệu người lao động mắc bệnh nghề nghiệp hoặc tai nạn lao động đi khám giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể theo quy định của pháp luật;" | Bộ Y tế | x |  |  |
| 126 | Điểm b Khoản 4: Đề nghị xem lại quy định “…tính theo lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố” vì khoản 1 Điều 12 Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010 quy định: “Ngân hàng Nhà nước công bố lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cơ bản và các loại lãi suất khác để điều hành chính sách tiền tệ, chống cho vạy nặng lãi”, không công bố lãi suất tiền gửi không kỳ hạn | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | x |  |  |
| 127 | Tại điểm b khoản 4, đề nghị điều chỉnh “ Điểm b khoản 2” thành “ Điểm c khoản 2” điều này, vì tại điểm c khoản 2 mới qui định việc không thực hiện chế độ trợ cấp, bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo qui định | UBND tỉnh Bến Tre | x |  |  |
| 128 | Bổ sung thêm cụm từ “ Việc trong điều kiện” vào điểm b khoản 1 cụ thể: ... làm việc trong điều kiện công việc độc hại, nguy hiểm... | Sở LĐTBXH Đồng Nai | x |  |  |
| 129 | Khoản 1: Đề nghị giảm mức xử phạt từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng | Sở LĐTBXH Lâm Đồng |  | x |  |
| 130 | Sửa đổi, bổ sung cụm từ “Vi phạm quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp” thành cụm từ “Vi phạm quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp”; | Sở LĐTBXH tỉnh Khánh Hòa |  | x |  |
| 131 | sửa đổi thống nhất các cụm từ “nguy hiểm, độc hại” và “độc hại, nguy hiểm thành cụm từ “nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm”. | x |  |  |
| 132 | Bổ sung điểm d như sau “d) Không giới thiệu để người lao động bị tai nạn lao động, bênh nghề nghiệp được giám định y khoa xác định mức độ suy giảm khả năng lao động theo quy định của pháp luật.”. | x |  |  |
| 133 | Tại Khoản 1, Khoản 2: đề nghị bỏ cụm từ “đối với mỗi người lao động” bởi vì đây là quy định mức phạt theo hành vi chứ không phải tính theo mỗi người lao động. | UBND tỉnh Quảng Ninh | x |  |  |
| 134 | Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 2 như sau: Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đảm bảo thời gian trong việc thực hiện chế độ trợ cấp, bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định. | x |  |  |
| 135 | Đề nghị bổ sung hình phạt bổ sung về truy thu đối với hành vi vi phạm tại Điểm a Khoản 1 “Không thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại” | Sở LĐTBXH Hải Dương | x |  |  |
| 136 | Chuyển Khoản 1 Điều 21 thành một khoản của Điều 20 | Sở LĐTBXH thành phố Đà Nẵng | x |  |  |
| 137 | **Điều 22** | Khoản 1, đề nghị nghiên cứu quy định rõ ràng, cụ thể nhằm tránh cách hiểu khác nhau về quy định xử phạt người sử dụng lao động có hành vi sử dụng người lao động vi phạm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động vì chưa thể hiện rõ việc: người sử dụng lao động vi phạm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động trong sử dụng người lao động hay người lao động vi phạm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động nhưng vẫn được sử dụng với người sử dụng lao động. | Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn | x |  |  |
| 138 | Bỏ điểm a Khoản 2, lý do: Người sử dụng lao động có nghĩa vụ kiểm định và khai báo trước khi đưa báo sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Hành vi báo cáo cơ quan có thẩm quyền việc kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động là của tổ chức kiểm định | Sở LĐTBXH thành phố Đà Nẵng | x |  |  |
| 139 | Điểm b Khoản 2, sửa đổi, bổ sung cụm từ “không khai báo trước khi đưa vào sử dụng…” thành cụm từ “không khai báo việc sử dụng…” hoặc thành “không khai báo trong thời gian 30 ngày trước hoặc sau khi đưa vào sử dụng…”. | Sở LĐTBXH tỉnh Khánh Hòa | x |  |  |
| 140 | Điểm e Khoản 2: quy định này khó khăn cho việc tính toán mức giá kiểm định, nếu những máy, thiết bị có mức giá kiểm định thấp thì thường doanh nghiệp không thực hiện kiểm định, nhưng tính rủi ro cao, do đó cần sửa lại như sau:   1. Mức phạt từ 10tr đến 25 tr với hành vi vi phạm dưới 5 máy, thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt; 2. Mức phạt từ 25tr đến 50tr từ 6 đến 10 máy thiết bị; 3. Mức phạt 50tr đến 100tr từ 10 đến 20 máy, thiết bị; 4. Mức phạt 100tr đến 300 tr trên 20 máy, thiết bị. | Sở LĐTBXH tỉnh Hà Tĩnh |  | x |  |
| 141 | Điểm e Khoản 2, đề nghị nghiên cứu quy định giới hạn mức tiền phạt tối đa đối với hành vi vi phạm sao cho không vượt quá mức tiền phạt tối đa trong lĩnh vực lao động (75.000.000 đồng) để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật XLVPHC (điểm d Khoản 1 Điều 24) | Bộ Tư pháp | x |  |  |
| 142 | Khoản 3: Trong quá trình hoạt động kiểm tra, thanh tra việc buộc ngừng sử dụng các loại máy, thiết bị vật tư yêu cầu nghiêm ngặt chưa có hướng dẫn về thủ tục buộc ngừng sử dụng. Trong thực tế, thanh tra lao động đã sử dụng văn bản hành chính buộc ngừng sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư yêu cầu nghiêm ngặt nhưng khi đoàn thanh tra lao động về thì đơn vị vẫn tiếp tục sử dụng, do đó cần phải quy định thêm các quy trình thủ tục buôc ngừng sử dụng các loại máy, thiết bị vật tư yêu cầu nghiêm ngặt | Sở LĐTBXH tỉnh Hà Tĩnh |  | x |  |
| 143 | Đề nghị nâng mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm nêu tại điểm e Khoản 2, vì hành vi không kiểm định là rất nghiêm trọng nhưng mức phạt quy định thì thấp | UBND tỉnh Quảng Ninh | x |  |  |
| 144 | **Điều 23** | Tại Khoản 1: chỉ nên tính cho số lao động thuộc nhóm 3 (người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động) còn lại số lao động thuộc nhóm 4 thì chuyển sang hành vi tại Khoản 2. Bổ sung cụm từ “theo quy định” để xử phạt được đối với đơn vị không huấn luyện định kỳ, không huấn luyện khi bố trí công việc mới…Do vậy, đề nghị sửa Khoản 1 như sau:  “1. Phạt tiền người sử dụng lao động không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động làm công việc theo quy định khi sử dụng người lao động làm việc theo một trong các mức sau đây:”. | UBND tỉnh Quảng Ninh | x |  |  |
| 145 | Đề nghị chuyển hành vi vi phạm: Cấp giấy chứng nhận, thẻ an toàn mà không thực hiện huấn luyện tại điểm c Khoản 3 xuống điểm d Khoản 3 bởi vì hành vi Cấp giấy chứng nhận, thẻ an toàn mà không thực hiện huấn luyện là hành vi giả mạo, gian lận trong hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cần phải xử lý nghiêm minh | x |  |  |
| 146 | **Điều 24** | Tại điểm b khoản 3, đề nghị điều chỉnh “Điểm g khoản 1” thành Điểm e Khoản 1”, vì điểm g quy định đối với các hành vi hoạt động không có giấy chứng nhận kiểm định kỹ thuật an toàn lao động hoặc có giấy chứng nhận kiểm định kỹ thuật an toàn lao động nhưng đã hết hiệu lực thì không thể xử phạt bằng hình thức tước quyền sử dụng giấy chứng nhận kiểm định kỹ thuật an toàn lao động của người sử dụng lao động. | UBND Tỉnh Bến Tre | x |  |  |
| 147 | Điểm b Khoản 3 Điều 24 dự thảo Nghị định quy định việc tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có thời hạn đối với tổ chức hoạt động dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có hành vi vi phạm quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 24. Tuy nhiên, điểm g khoản 1 Điều 24 lại quy định hành vi thực hiện hoạt động kiểm định nhưng không có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định đã hết hiệu lực. Đối với hành vi này, Bộ Tư pháp thấy rằng, việc áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có thời hạn là không phù hợp, không đạt được được mục đích của việc xử phạt, cụ thể là:  + Đối với hành vi thực hiện hoạt động kiểm định nhưng không có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định: Đối tượng vi phạm không có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định để người có thẩm quyền xử phạt có thể thực hiện việc tước.  + Đối với hành vi thực hiện hoạt động kiểm định nhưng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định đã hết hiệu lực: Nếu áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có thời hạn thì mặc nhiên, sau khi hết thời hạn tước, đối tượng sẽ tiếp tục được hoạt động, dù chưa được cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.  Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, quy định hình thức xử phạt hoặc biện pháp khắc phục hậu quả khác cho phù hợp với tính chất của hành vi vi phạm. | Bộ Tư pháp | x |  |  |
| 148 | Đề nghị cân nhắc bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả thu hồi chứng chỉ kiểm định viên nếu đã được cấp đối với hành vi vi phạm tại điểm c Khoản 2 Điều này | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  | x | Biện pháp “thu hồi chứng chỉ” không phải là biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của Luật XLVPHC |
| 149 | **Điều 25** | Bổ sung Khoản 4 và khoản 5 vào các trường hợp loại trừ tại Khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định, vì đây là các khoản quy định mô tả hành vi vi phạm của tổ chức | Bộ Tư pháp | x |  |  |
| 150 | Đề nghị sửa như sau:  **"Điều 25. Vi phạm quy định về quan trắc môi trường lao động, kiểm tra, đánh giá, quản lý yếu tố nguy hiểm tại nơi làm việc.**  1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động khi không công bố công khai cho người lao động tại nơi quan trắc môi trường lao động và nơi được kiểm tra, đánh giá, quản lý yếu tố nguy hiểm biết ngay sau khi có kết quả quan trắc môi trường lao động và kết quả kiểm tra, đánh giá, quản lý yếu tố nguy hiểm tại nơi làm việc.  2. Phạt tiền đối với người sử dụng lao động có hành vi không tổ chức thực hiện quan trắc môi trường lao động để kiểm soát tác hại đối với yếu tố có hại được Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giới hạn tiếp xúc cho phép theo một trong các mức sau đây:  a) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cơ sở lao động có dưới 50 người lao động;  b) Từ 40.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với cơ sở lao động có từ 51 đến 200 người lao động;  c) Từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với cơ sở lao động có trên 200 người lao động;  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động tổ chức thực hiện quan trắc môi trường lao động bởi tổ chức chưa công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo quy định;  4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động không có biện pháp cải thiện môi trường lao động, giảm tiếp xúc khi có yếu tố có hại vượt tiêu chuẩn cho phép.  5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi phối hợp với tổ chức quan trắc môi trường lao động gian lận trong hoạt động quan trắc môi trường lao động mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.  6. Phạt tiền tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường lao động có hành vi vi phạm quy định về hoạt động quan trắc môi trường lao động theo một trong các mức sau đây:  a) Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện báo cáo kết quả hoạt động hằng năm cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;  b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: không thông báo cho cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có thay đổi về địa chỉ trụ sở, chi nhánh; không tham gia khóa huấn luyện cập nhật kiến thức về chính sách pháp luật, khoa học công nghệ về quan trắc môi trường lao động theo quy định;  c) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện quan trắc mà không đảm bảo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo quy định hoặc không đúng theo hồ sơ công bố;  d) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi: Cung ứng dịch vụ quan trắc môi trường lao động ngoài phạm vi hồ sơ công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động;  đ) Từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi: Sử dụng hồ sơ, tài liệu giả mạo, sai sự thật để đề nghị công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;  e) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp kết quả quan trắc môi trường lao động không đúng sự thật;  g) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện quan trắc môi trường lao động nhưng chưa công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo quy định của pháp luật;  h) Từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp kết quả quan trắc mà không thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.  7. Hình thức xử phạt bổ sung  a) Đình chỉ hoạt động quan trắc môi trường lao động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với tổ chức quan trắc môi trường lao động khi vi phạm quy định tại điểm b Khoản 6 Điều này.  b) Đình chỉ hoạt động quan trắc môi trường lao động từ 04 tháng đến 06 tháng đối với tổ chức quan trắc môi trường lao động khi vi phạm quy định tại các điểm d) hoặc e) Khoản 6 Điều này.  c) Đình chỉ vô thời hạn hoạt động quan trắc môi trường lao động đối với tổ chức quan trắc môi trường lao động khi vi phạm quy định tại điểm c) đ) hoặc g) Khoản 6 Điều này." | Bộ Y tế | x |  | Tiếp thu một phần |
| 151 | Khoản 4: Đề nghị bổ sung thêm hành vi “tổ chức quan trắc không đúng tiêu chuẩn đo kiểm tra môi trường làm việc. | UBND Tỉnh Đồng Nai |  | x |  |
| 152 | Đề nghị bổ sung thời hạn đình chỉ hoạt động tại khoản 6 Điều này để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật XLVPHC. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | x |  |  |
| 153 | Khoản 6 đề nghị bổ sung thời hạn đình chỉ hoạt động đối với hình thức xử phạt bổ sung “đình chỉ hoạt động quan trắc môi trường lao động của tổ chức quan trắc lao động” để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 21 Luật XLVPHC | Bộ Nội vụ | x |  |  |
| 154 | **Điều 26** | Tại Điểm a Khoản 2, đề nghị cân nhắc không quy định trường hợp người sử dụng lao động và người lao động có thỏa thuận bằng văn bản về việc đi công tác xa để đảm bảo sự chặt chẽ trong quy định về an toàn sức khỏe cho lao động nữ mang thai, bên cạnh đó, Bộ luật lao động không quy định loại trừ đối với trường hợp này | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | x |  |  |
| 155 | Điểm d Khoản 2: Đề nghị làm rõ thế nào là “trường hợp việc làm cũ không còn” để đảm bảo quyền lợi cho lao động nữ trở lại làm việc sau khi hết thời gian nghỉ thai sản theo quy định | Bộ Giáo dục và Đào tạo |  | x | Phù hợp với Điều 158 Bộ luật lao động. Việc giải thích thế nào là trường hợp “việc làm cũ không còn” nếu cần thiết thì quy định trong NĐ hướng dẫn thi hành BLLĐ chứ không quy định trong NĐ này. |
| 156 | Tại điểm a, khoản 2 đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ: “về việc đi công tác xa” . Sau khi bỏ viết lại như sau:  “a. Sử dụng lao đọng nữ làm thêm giờ, làm việc ban đêm và đi công tác xa thuộc một trong các trường hợp: Mang thai từ tháng 07 hoặc từ tháng thứ 06 nếu làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trừ trường hợp sử dụng lao động và người lao động có thỏa thuận bằng văn bản” | UBND Tỉnh Hà Giang |  | x | Dự thảo đã bỏ cả đoạn “trừ trường hợp …công tác xa” để đảm bảo phù hợp với BLLĐ và các văn bản hướng dẫn. |
| 157 | Đề nghị tăng mức phạt ở Khoản 1 từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng và ở Khoản 2 từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng | Sở LĐTBXH Phú Yên | x |  | Tiếp thu một phần, đã sửa Khoản 1. |
| 158 | **Điều 27** | Tại Điểm a Khoản 2, đề nghị bỏ cụm từ “Và không có sông ký kết hợp đồng đó” vì nội dung của điểm a quy định việc “ sử dụng người dưới 15 tuổi mà không ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật” đã có đủ cơ sở để xử phạt người sử dụng lao động. | UBND Tỉnh Bến Tre | x |  |  |
| 159 | Sửa nội dung quy định tại Điểm a Khoản 2: “... không có sông ký kết hợp đồng đó” vì không rõ nghĩa. | UBND các tỉnh: Đồng Nai, Đà Nẵng, Ninh Thuận | x |  |  |
| 160 | **Điều 30** | Điểm a Khoản 1: Đề nghị bổ sung vào sau cụm từ “…trừ trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động”, “nhưng phải có giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động của cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh theo quy định của pháp luật” | Sở LĐTBXH Bến tre | x |  |  |
| 161 |  | Điểm a Khoản 1: Đề nghị sửa lại như sau “làm việc nhưng không có giấy phép lao động hoặc không có giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động”. | Sở LĐTBXH Quảng Trị | x |  |  |
| 162 | **Điều 33** | Đề nghị bổ sung thêm hình thức xử phạt đối với doanh nghiệp cản trở việc thành lập tổ chức công đoàn tại các doanh nghiệp khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Công đoàn, nhằm đảo bảo quyền lợi cho người lao động làm việc trong doanh nghiệp | Sở LĐTBXH Bến tre |  | x | Đã được thể hiện ở Khoản 2 Điều 34 và gián tiếp tại các điều, khoản khác của dự thảo 2 (Điều 33,34,35). |
| 163 | **Điều 37** | Đề nghị quy định cụ thể hành vi trốn đóng bảo hiểm tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này đảm bảo đúng nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính đồng thời phù hợp, thống nhất với quy định tại Điều 216 Bộ luật hình sự về tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | x |  |  |
| 164 | Khoản 1: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người lao động có hành vi thỏa thuận với người sử dụng lao động không tham gia BHXH bắt buộc, BHTN, tham gia không đúng mức quy định hoặc tham gia không đúng đối tượng. Vì, mức phạt quá thấp so với số tiền phải đóng nên dễ thỏa thuận để không phải tham gia BHXH bắt buộc. | Bảo hiểm xã hội Việt Nam |  | x | Tham gia BHXH, BHTN là quyền lợi của người lao động, quy định xử phạt chủ yếu đề nhắc nhở người lao động. |
| 165 | Khoản 1, đề nghị nâng mức xử phạt thành “từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng” để tăng tính răn đe đối với người vi phạm, người có ý định thỏa thuận không tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp hoặc tham gia không đúng mức quy định | Bộ Quốc phòng |  | x |
| 166 | Bổ sung đối tượng bị xử phạt là người sử dụng lao động vào Khoản 1 để đảm bảo các bên tham gia vào quan hệ trái pháp luật (thỏa thuận không tham gia BHXH bắt buộc, BHTN hoặc tham gia không đúng mức quy định) đều phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với hành vi trái pháp luật của mình | x |  | Đây thực tế là hành vi không đóng, đóng không đủ số người, đóng không đủ số tiền BHXH phải đóng của người lao động. |
| 167 | Bổ sung vào Khoản 2, Khoản 3 quy định cụ thể về thời gian và mức tiền tối đa trốn đóng, chậm đóng, chiếm dụng tiền đóng BHXH bắt buộc, BHTN bị xử phạt vi phạm hành chính để áp dụng được thống nhất và thuận tiện trong việc phân định vi phạm pháp luật hành chính với vi phạm pháp luật hình sự. Mặc dù Điều 216 BLHS 2015 đã quy định thời gian, mức tiền cụ thể để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trốn đóng, chậm đóng, chiếm dụng tiền đóng BHXH bắt buộc, BHTN, tuy nhiên, người thực hiện hành vi này chỉ bị truy cứu TNHS khi “đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm” (khoản 1) hoặc vi phạm với mức tiền cụ thể tại Khoản 2, Khoản 3 điều này. Do đó, việc quy định cụ thể về thời gian và mức tiền tối đa nêu trên là cần thiết. |  | x | Việc xác định hành vi trốn đóng được quy định cụ thể tại Bộ luật Hình sự, sau khi được Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về hành vi này, cơ quan có thẩm quyền xử phạt sẽ căn cứ vào đó để xác định hành vi đó có phải là hành vi phạm tôi hình sự hay không để tiến hành thủ tục xử phạt hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố tội phạm. |
| 168 | Điểm a Khoản 2: đề nghị bổ sung như sau: “trốn đóng, đống không đủ số lao động, đóng thiếu thời gian, thiếu mức đóng tiền phải đóng BHXH bắt buộc, BHTN”. | Bảo hiểm xã hội Việt Nam |  | x | Đóng thiếu thời gian chính là hành vi chậm đóng hoặc đóng không đủ số tiền phải đóng. |
| 169 | Đề nghị nghiên cứu bổ sung hình thức xử phạt cảnh cáo đối với hành vi chậm đóng BHXH bắt buộc, BHTN. | x |  |  |
| 170 | Khoản 3: Đề nghị bổ sung như sau: “Phạt tiền…đối với người sử dụng lao động trốn đóng, đóng thiếu thời gian, thiếu mức đống tiền phải đóng hoặc chiếm dụng tiền đóng BHXH bắt buộc, BHTN của toàn bộ người lao động thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc, BHTN” |  | x |  |
| 171 | Điểm b Khoản 4: Đề nghị bổ sung quy định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 4 điều 37 dự thảo Nghị định chỉ đối với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 17 Luật BHXH từ 30 ngày trở lên nhằn đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 122 Luật BHXH 2014 | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | x |  |  |
| 172 | Khoản 1: Đề nghị nâng mức xử phạt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng | Sở LĐTBXH Hải Dương |  | x |  |
| 173 | Khoản 2 và Khoản 3: Đề nghị sửa đổi theo hướng quy định mức phạt tiền cụ thể người sử dụng lao động khi vi phạm với mỗi người lao động, vì trên thực tế quy định tỷ lệ % rất khó thực thi, dễ bị nhầm lẫn với thời điểm tính dẫn đến khiếu nại |  | x | Xin ý kiến tại Hội thảo |
| 174 | Đề nghị bổ sung thêm hình thức xử phạt đối với doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp không đủ số người thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định | Sở LĐTBXH Bến tre | x |  |  |
| 175 | Khoản 1: Hành vi thỏa thuận này rất nguy hiểm, mức xử phạt từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng là quá thấp , do đó cần tăng thêm từ 10tr đồng đến 15tr đồng | Sở LĐTBXH tỉnh Hà Tĩnh |  | x | Khoản 1 là quy định xử phạt đối với người lao động. |
| 176 | Khoản 2, Khoản 3: Việc chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; đóng không đúng mức quy định; đóng không đủ số người thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp cho toàn bộ người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp tồn tại rất nhiều. Trong thời gian qua với chế tài quy định xử phạt nêu trên trong quá trình thanh tra, kiểm tra khó khăn cho việc tính toán hoặc mức xử phạt thấp nếu số tiền phải đóng thấp (tỉ lệ thuận) do đó cần phải thay đổi hình thức phạt.   1. Mức phạt từ 10tr đến 15tr vi phạm dưới 10 người; 2. Mức phạt 15tr đến 20tr vi phạm từ 11-20 người; 3. Mức phạt 20tr đến 30tr vi phạm từ 21-30 người; 4. Mức phạt 30tr đến 40tr vi phạm từ 31 người trở lên. |  | x |  |
| 177 | **Điều 38** | Khoản 1, đề nghị tăng mức tiền phạt thành “từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng” và bổ sung đối tượng bị xử phạt là người sử dụng lao động | Bộ Quốc phòng | x |  |  |
| 178 | Khoản 2: Đề nghị bổ sung nội dung:   * Thỏa thuận với người sử dụng lao động làm giả, làm sai lệch hồ sơ để trục lợi số tiền hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. * Mức phạt đối với người sử dụng lao động khi làm giả, làm sai lệch nội dung hồ sơ, chiếm dụng hỗ trợ chuyển đổi chuyển đổi nghề nghiệp. | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | x |  |  |
| 179 | Khoản 5: Đề nghị chuyển nội dung khoản này sang Điều 39 của dự thảo, vì không phải là vi phạm về lập hồ sơ để hưởng chế độ BHXH, BHTN | x |  |  |
| 180 | Bỏ hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 vì thực tế doanh nghiệp khó thực hiện. | UBND Tỉnh Đồng Nai |  | x |  |
| 181 | Đối với các biện pháp xử phạt bổ sung được quy định tại các Điều của dự thảo Nghị định, đề nghị bãi bỏ biện pháp xử phạt bổ sung: “ đình chỉ hoạt động từ 01 03 tháng đối với người sử dụng lao động” vì thực tế không áp dụng được, nếu áp dụng sẽ ảnh hưởng đến chế dộ, quyền lợi của nhiều người lao đông, ảnh hưởng đến các vấn đề an sinh xã hội và bảo đảm anh ninh, trật tự tại địa phương. | x |  |  |
| 182 | Khoản 4: Đề nghị bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả đối với người sử dụng lao động có hành vi “giả mạo hồ sơ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để trục lợi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự đối với mỗi hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp giả mạo”. Hành vi này mới bị quy định xử phạt từ 5 triệu đến 10 triệu đồng mà chưa quy định biện pháp khắc phục hậu quả; | UBND tỉnh Quảng Ninh |  | x | Hành vi giả mạo hồ sơ đã bị Bộ luật Hình sự quy định để xử lý hình sự, do vậy, dự thảo Nghị định không quy định xử phạt đối với hành vi này. |
| 183 | Đề nghị bổ sung điểm a Khoản 6 như sau: a) Buộc nộp lại cho tổ chức bảo hiểm xã hội số tiền bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp đã nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều này. | x |  |  |
| 184 | **Điều 39** | Điểm d Khoản 1, đề nghị bỏ nội dung “không cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của người lao động khi người lao động hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu”, lý do: nội dung này đã được quy định tại Điểm b Khoản 1 điều này. | Sở LĐTBXH thành phố Đà Nẵng | x |  |  |
| 185 | Đề nghị tăng mức xử phạt ở các khoản:   * Khoản 1: Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng; * Khoản 2: Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng; * Khoản 3: Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng; * Khoản 4: Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. | Sở LĐTBXH Phú Yên |  | x |  |
| 186 | Bổ sung xử phạt hành chính đối với người sử dụng lao động không trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Luật BHXH năm 2014 | Sở LĐTBXH tỉnh Tiền Giang | x |  |  |
| 187 | Điểm b Khoản 3: Đề nghị bỏ cụm từ : “Khoản 2 Điều 110”, vì Khoản 2 Điều 110 Luật BHXH quy định đối tượng nộp hồ sơ cho cơ quan BHXH là người lao động. Do vậy, xử phạt người sử dụng lao động không hợp lý | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | x |  |  |
| 188 | Điểm c Khoản 3: Đề nghị sửa đổi cụm từ “điểm a khoản 1, Khoản 2 Điều 45” thành “Điều 47 Luật An toàn vệ sinh lao động”, vì điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 45 Luật BHXH đã bãi bỏ và thay thế tại Điều 47 Luật ATVSLĐ | x |  |  |
| 189 | Đề nghị bổ sung quy định về khung hình phạt đối với trường hợp người lao động mang sổ BHXH đi cầm cố, thế chấp. Vì, theo quy định của Luật BHXH thì người sử dụng lao động phải trả sổ BHXH cho người lao động giữ. Tuy nhiên, thời gian qua có tình trạng sau khi được trả sổ BHXH thì người lao động đã đem sổ BHXH đi cầm cố, thế chấp, sau đó trở lại cơ quan BHXH đề nghị cấp lại sổ BHXH |  | x |  |
| 190 | **Chương IV** | Đề nghị cần nghiên cứu tăng mức xử phạt để răn đe, tăng thẩm quyền xử phạt cho người có thẩm quyền đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng vì trong thực tế đối tượng vi phạm thường xuyên cố tình chây ì không chấp hành | Ủy ban dân tộc | x |  | Tiếp thu một phần. Thẩm quyền phạt tiền của người có thẩm quyền xử phạt bị giới hạn ở Luật XLVPHC, do vậy, NĐ này không được trái quy định của Luật XLVPHC |
| 191 | **Điều 40** | Đề nghị nghiên cứu, cân nhắc quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 40 dự thảo Nghị định khi xử phạt đối với doanh nghiệp dịch vụ có “Chi nhánh doanh nghiệp dịch vụ thực hiện vượt quá phạm vi nhiệm vụ được giao về hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài” vì theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định thì doanh nghiệp chỉ bị xử phạt khi hành vi vi phạm hành chính do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức thực hiện. | Bộ Tư pháp |  | x | Hành vi này là hành vi xử phạt đối với chi nhánh do hoạt động vượt quá phạm vi nhiệm vụ được giao.  Còn Điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị định 81 đã được sửa đổi bởi NĐ 97 thì quy định chi nhánh đó là tổ chức bị xử phạt khi người thực hiện hành vi vi phạm đó là người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh chi nhánh… |
| 192 | Khoản 1: Đề nghị bổ sung hành vi “không phối hợp với chính quyền địa phương thông báo công khai, cung cấp cho người lao động đầy đủ các thông tin về số lượng, tiêu chuẩn tuyển chọn và các điều kiện của Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài” | Sở LĐTBXH Hải Dương | x |  |  |
| 193 | Khoản 5: Đề nghị bổ sung hình thức xử phạt đối với tổ chức đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, khi chưa được Bộ LĐTBXH cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định. Vì trong dự thảo Nghị định chưa thấy quy định vấn đề này nhưng trong thực tế có một số đơn vị, tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhưng chưa được cấp giấy phép theo quy định của pháp luật | Sở LĐTBXH Bến Tre | x |  |  |
| 194 | **Điều 41** | Đề nghị nghiên cứu, quy định cụ thể mức phạt tiền đối với hành vi đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài khi tỷ lệ vượt đến 50% số lượng người đã đăng ký theo Hợp đồng cung ứng lao động, Hợp đồng nhận lao động thực tập đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận vì hiện nay khoản 2 Điều 41 dự thảo Nghị định chỉ quy định mức xử phạt tiền khi tỷ lệ vượt quá từ 31% đến dưới 50% và vượt quá 50% | Bộ Tư pháp | x |  |  |
| 195 | **Điều 42** | Tổ chức tuyển chọn người lao động Việt Nam để đưa đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài vượt quá số lượng người đã đăng ký theo hợp đồng cung ứng lao động, hợp đồng nhận lao động thực tập đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. | Sở LĐTBXH Tỉnh Bình Định |  | x |  |
| 196 | **Điều 43** | Để rõ nghĩa, tại điểm b Khoản 4 đề nghị cân nhắc chỉnh sửa thành “đình chỉ việc thực hiện hợp đồng cung ứng lao động từ 07 đến 12 tháng trong trường hợp tái phạm hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này”. | Bộ Tư pháp | x |  |  |
| 197 | Khoản 5, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định cụ thể những hành vi tại điểm, khoản nào của Điều 43 bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc hoàn trả tiền đào tạo đã thu của người lao động (nếu có) theo khoản 5 Điều 43. | Bộ Tư pháp | x |  |  |
| 198 | **Điều 45** | Khoản 5, đề nghị bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “buộc hoàn trả tiền cho người lao động” để đảm bảo quyền lợi của người lao động vì trong trường hợp này lỗi thuộc về doanh nghiệp tổ chức đưa người lao động ra nước ngoài làm việc | Bộ Giáo dục và Đào tạo | x |  |  |
| 199 | **Điều 51** | Cần xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Bảo hiểm xã hội vì cơ quan BHXH không phải là cơ quan hành chính Nhà nước nên không có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính | Sở LĐTBXH tỉnh Cà Mau |  | x | Theo Khoản 3 Điều 13 Luật BHXH thì cơ quan BHXH có thẩm quyền thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT |
| 200 | Đề nghị bổ sung quy định: bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính về BHXH, BHTN quy định tại Nghị định này trong phạm vi được giao quản lý. Vì BHXH Bộ Quốc phòng cũng là một tổ chức trong hệ thống BHXHVN, có phạm vi quản lý, đối tượng quản lý riêng | Bộ Quốc phòng |  | x | Theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 21/2016/NĐ-CP ngày 31/3/2016 thì các đối tượng liên quan đến hoạt động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này (không thuộc đối tượng áp dụng của Khoản 3 Điều 13 Luật BHXH 2014). |
| 201 | Tại các Khoản 1,2,3 Điều 51: Đề nghị bổ sung thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt bổ sung của cơ quan bảo hiểm xã hội như sau: “tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với người sử dụng lao động vi phạm các quy định về đóng BHXH bắt buộc, BHTN từ lần thứ 2 trở lên” để phù hợp với quy định tại Điều 121 Luật BHXH và Điều 46 Luật XLVPHC | Bảo hiểm xã hội Việt Nam |  | x | Không sử dụng biện pháp khắc phục hậu quả này đối với các hành vi vi phạm quy định về đóng BHXH. |
| 202 | **Điều 52** | Thay cụm từ “Khoản 1 Điều 26” thành “Khoản 1 Điều 30” | Bộ Tư pháp | x |  |  |
| 203 | **Điều 53** | Nên rà soát lại các quy định của Luật XLVPHC và các văn bản hướng dẫn Luật XLVPHC để có hướng dẫn bổ sung trong trường hợp các Luật này còn thiếu quy định hướng dẫn cụ thể đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Bộ Khoa học và Công nghệ | x |  |  |
| 204 | **Mục 2 Chương V** | Đề nghị nghiên cứu, cân nhắc bỏ mục 2 Chương V vì Điều 53 dự thảo Nghị định quy định về thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt nhưng nội dung này đã được quy định tại Luật XLVPHC và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP). Đối với nội dung thuộc Điều 54, theo Bộ Tư pháp, có thể nghiên cứu: Đưa khoản 1 và khoản 2 Điều này vào Chương I – Quy định chung (gộp chung với Điều 4), đưa khoản 3 Điều này vào Chương VI – Điều khoản thi hành | Bộ Tư pháp |  | x |  |
| 205 | **Điều 54** | Khoản 2, đề nghị quy định rõ về “tỷ giá hạch toán do cơ quan có thẩm quyền quy định tại thời điểm phát sinh” (tỷ giá hạch toán là tỷ giá nào? Cơ quan thẩm quyền là cơ quan nào? Thời điểm phát sinh là khi nào?) để có cách hiểu thống nhất trong quá trình áp dụng. | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | x |  |  |
| 206 | Khoản 3, đề nghị chỉnh sửa để đảm bảo xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong việc hướng dẫn trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam | Bộ Nội vụ |  | x | Đã quy định rõ trách nhiệm hướng dẫn thuộc Bộ LĐTBXH. |
| 207 | Khoản 3, đề nghị xem lại việc giao “Bộ LĐTBXH chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao hướng dẫn trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam” vì có thể làm phát sinh thủ tục hành chính (không phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật BHVBQPPL) | Bộ Giáo dục và đào tạo |  | x | Trình tự thủ tục này hướng dẫn trình tự, thủ tục xử phạt của người có thẩm quyền xử phạt, không quy định thủ tục hành chính. |
| 208 | Đề nghị cân nhắc sự cấn thiết giao Bộ LĐTBXH hướng dẫn trình tự thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thực hiện bên ngoài lãnh thổ Việt Nam vì các quy định về trình tự, thủ tục xử phạt đã được quy định đầy đủ tại Luật XLVPHC và Nghị định 83/2013/NĐ-CP, trường hợp có các nội dung đặc thù khi xử lý vi phạm hành chính ngoài nước trong lĩnh vực này, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể tại Nghị định này để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn |  | x | Trình tự, thủ tục xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài có những đặc thù riêng so với các lĩnh vực khác.  Hiện nay, nội dung này đang được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 32/2013/TTLT-BLĐTBXH-BNG ngày 6/12/2013. |
| 209 | **Ý kiến khác** | Một số hành vi quy định tại dự thảo Nghị định còn chung chung, chưa được mô tả cụ thể theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (Nghị định số 81/2013/NĐ-CP), chẳng hạn như: hành vi “thông báo hoạt động dịch vụ việc làm không theo quy định của pháp luật” (Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định); hành vi “không báo cáo về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật” (điểm a Khoản 1 Điều 18 của dự thảo Nghị định); hành vi “thu, quản lý, sử dụng hoàn trả tiền môi giới không đúng quy định” (điểm a, b Khoản 2 Điều 44 dự thảo Nghị định)...  Để thực hiện đúng quy định của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP nêu trên, đồng thời, để đảm bảo tính khả thi của Nghị định khi được ban hành và có hiệu lực, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định các điều kiện cụ thể nêu tại những điều trên hoặc dẫn chiếu các quy định pháp luật nội dung điều chỉnh các vấn đề trên để người có thẩm quyền có căn cứ áp dụng pháp luật trên thực tiễn | Bộ Tư pháp | x |  | Tiếp thu một phần, hành vi nào có thể cụ thể hơn nữa thì sẽ cụ thể. Một số hành vi vì quy định của pháp luật là rất nhiều, nên không thể liệt kê hết vào Nghị định được. Ví dụ hành vi: không báo cáo về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định. Hành vi này áp dụng với nhiều chủ sử dụng lao động khác nhau, hình thức báo cáo khác nhau… |
| 210 | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, nghiên cứu tách hành vi “không có tài liệu tập huấn” và “có tài liệu tập huấn nhưng không đúng quy định” (Điểm b Khoản 3 Điều 23 của dự thảo Nghị định); hành vi “không thực hiện” và “thực hiện không đầy đủ” (điểm b Khoản 1 Điều 43 dự thảo Nghị định);...để quy định mức phạt tiền phù hợp với tính chất, mức độ của từng hành vi vi phạm. | x |  | Tiếp thu một phần |
| 211 | Một số hành vi vi phạm hành chính được quy định trong dự thảo Nghị định có sự trùng lặp với hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ví dụ như hành vi: Giả mạo hồ sơ, tài liệu trong tổ chức huấn luyện (điểm d khoản 3 Điều 23 dự thảo Nghị định); sử dụng hồ sơ, tài liệu giả mạo để đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định (điểm c khoản 1 Điều 24 dự thảo Nghị định); giả mạo hồ sơ, tài liệu khi thực hiện kiểm định (điểm đ khoản 1 Điều 24 dự thảo Nghị định); giả mạo các tài liệu trong hồ sơ cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên (điểm c Khoản 2 Điều 24); giả mạo giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động (điểm b Khoản 4 Điều 25); làm giả hồ sơ để trục lợi số tiền hỗ trợ học nghề (điểm a Khoản 2 Điều 38); làm giả hồ sơ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để trục lợi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (Khoản 4 Điều 38)...Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ quy định tại các điều, khoản, điểm trên và các điều, khoản, điểm khác trong dự thảo Nghị định để đưa ra khỏi nội dung dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm sự phù hợp với quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, vì theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự hành vi làm giả, sử dụng giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức sẽ bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị xử phạt vi phạm hành chính.  Tương tự như trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều 46 dự thảo Nghị định “...ép buộc...người lao động Việt Nam ở lại nước ngoài trái quy định” với hành vi phạm tội quy định tại Điều 350 Bộ luật hình sự năm 2015 “tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”. | x |  |  |
| 212 | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các nội dung của dự thảo Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan để bảo đảm không bỏ sót các hành vi vi phạm của tổ chức trong các lĩnh vực quy định tại Điều 1 của dự thảo Nghị định; đồng thời bảo đảm tính thống nhất, phù hợp với quy định tại Khoản 10 Điều 2 Luật XLVPHC và Điều 1 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP. Ví dụ: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 của Luật Việc làm năm 2013 thì “tổ chức dịch vụ việc làm bao gồm trung tâm dịch vụ việc làm và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm” nhưng tại Khoản 1 Điều 3 và các nội dung khác của dự thảo Nghị định chỉ đề cập đến hành vi vi phạm hành chính của “doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm”. Tương tự như vậy, đối với các đối tượng như “tổ chức đánh giá kỹ năng nghề” tại Điều 31 Luật Việc làm. | x |  |  |
| 213 | Một số điều khoản của dự thảo Nghị định quy định hình thức xử phạt “đình chỉ hoạt động có thời hạn” đối với người sử dụng lao động (Khoản 6 Điều 15, Khoản 5 Điều 16...). Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng, nêu đình chỉ hoạt động của người sử dụng lao động thì quyền lợi của người lao động trong những trường hợp này sẽ không được đảm bảo. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc kỹ, lựa chọn hình thức xử phạt hoặc biện pháp khắc phục hậu quả cho phù hợp. | x |  |  |
| 214 | Một số điều khoản của dự thảo Nghị định quy định hình thức xử phạt “cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng” (Khoản 1 Điều 34) trong cùng một khoản để áp dụng đối với một hành vi vi phạm. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc quy định theo hướng giảm mức tiền phạt tại các khoản trên xuống vì trong các trường hợp này người có thẩm quyền xử phạt phải lựa chọn giữa hai hình thức xử phạt khác nhau: cảnh cáo và phạt tiền. Nêu quy định mức phạt tiền tối đa quá cao (có trường hợp mức phạt tiền tối đa tới 5.000.000 đồng như nêu tại Khoản 1 Điều 34) thì rõ ràng mức độ vi phạm không thể tương tự như trường hợp phạt cảnh cáo (áp dụng đối với hành vi vi phạm không nghiêm trọng, có tính chất đơn giản – điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP). Nếu xét thấy cần thiết phải quy định hình thức xử phạt tiền ở mức cao, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tách hình thức xử phạt tiền và hình thức xử phạt cảnh cáo thành hai khoản độc lập, tương ứng với hành vi vi phạm cụ thể để tránh tùy tiện trong việc áp dụng pháp luật trên thực tế. | x |  |  |
| 215 | Dự thảo Nghị định quy định một số biện pháp khắc phục hậu quả như: Buộc ngừng sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư (Khoản 3 Điều 22); buộc trả đủ tiền tàu xe đi đường, buộc trả giấy tờ tùy thân (Khoản 3 Điều 28); buộc bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, kiến thức cần thiết cho người lao động (Khoản 5 Điều 43)...Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng, đây không phải là biện pháp khắc phục hậu quả, vì trong những trường hợp nêu trên, các biện pháp mà dự thảo Nghị định đưa ra không thể khắc phục được hậu quả (nếu có) xảy ra. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát các biện pháp khác phục hậu quả quy định tại dự thảo Nghị định, đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP). Theo đó, việc quy định biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính phải căn cứ vào các yêu cầu sau đây: Phải gây ra hậu quả hoặc có khả năng thực tế gây ra hậu quả; đáp ứng yêu cầu khôi phục lại trật tự quản lý hành chính nhà nước do vi phạm hành chính gây ra; phải được mô tả rõ ràng, cụ thể để có thể thực hiện được trong thực tiễn và phải đảm bảo tính khả thi. |  | x | Hiện nay có thực tế là, người sử dụng lao động vi phạm hành chính, nếu chỉ xử phạt tiền và không sử dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện đúng quy định của pháp luật (nếu không trả tiền tàu xe theo quy định, không trả giấy tờ tùy thân theo quy định thì biện pháp khắc phục hậu quả là buộc trả tiền tàu xe theo quy định, buộc trả giấy tờ tùy thân theo quy định) để khắc phục ngay tức khắc hậu quả có thể xảy ra ngay sau đó hoặc trong tương lai (tiếp tục vi phạm) với người lao động, trong khi thanh tra không phải lúc nào cũng có thể quay lại để thanh tra xem họ đã thực hiện hành vi trước đúng quy định hay chưa. Bên cạnh đó, trong mẫu QĐ xử phạt vi phạm hành chính, không có chỗ nào yêu cầu người sử dụng lao động phải thực hiện ngay hoặc trong thời hạn nhất định phải thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do vậy, các biện pháp khắc phục hậu quả này là rất cần thiết. Đồng thời biện pháp khắc phục hậu quả phải đảm bảo nguyên tắc: phải gây ra hậu quả hoặc có khả năng thực tế gây ra hậu quả; đáp ứng yêu cầu khôi phục lại trật tự quản lý hành chính nhà nước do vi phạm hành chính gây ra; phải được mô tả rõ ràng, cụ thể để có thể thực hiện được trong thực tiễn và phải đảm bảo tính khả thi. |
| 216 | Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số điều quy định tại Chương V về những người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 4 Luật XLVPHC và Điều 6 Nghị định 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).  Đồng thời đề nghị bổ sung cụm từ “lập biên bản” vào tên gọi của mục 1 Chương V của dự thảo Nghị định, bảo đảm phù hợp với các nội dung quy định tại mục 1 chương V. Theo đó, tên gọi của mục 1 Chương V được chỉnh sửa thành “thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính”.  Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định: “Trường hợp NĐXPVPHC có quy định nhiều chức danh tham gia xử phạt thuộc nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau, thì phải quy định rõ thẩm quyền xử phạt của các chức danh đó đối với từng điều khoản cụ thể”. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung một điều quy định về phân định thẩm quyền xử phạt của từng lực lượng chức năng đối với các hành vi vi phạm tại dự thảo Nghị định. | x |  |  |
| 217 | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ thế nào là “không báo cáo kịp thời” (Khoản 2 Điều 18, điểm c khoản 4 Điều 20 của dự thảo Nghị định), “ở những nơi cần thiết tại nơi làm việc” (khoản 1 Điều 17), “có nhưng không đặt ở vị trí dễ đọc, đễ thấy” (điểm c Khoản 1 Điều 19). | x |  | Tiếp thu để nghiên cứu đưa vào văn bản hướng dẫn hoặc sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật về nội dung. |
| 218 | Đề nghị bổ sung hồ sơ theo quy định tại Điều 87 Luật BHVBQPPL để có cơ sở tham gia. Cụ thể: đề nghị bổ sung Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định; BC tổng kết tình hình thực hiện Nghị định; Báo cáo tổng kết; đánh giá tác động từng chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định | Bộ Tài chính | x |  | Đã bổ sung vào dự thảo Tờ trình Chính phủ. |
| 219 | Để thuận lợi cho quá trình theo dõi cung như tham gia của các cơ quan, đề nghị lập bảng so sánh giữa dự thảo Nghị định mới và Nghị định cũ trong đó nêu rõ điểm mới sửa đổi, căn cứ pháp lý sửa đổi | x |  | Sẽ giải trình rõ hơn trong Tờ trình |
| 220 | Đề nghị làm rõ nguyên nhân bỏ những nội dung của các Nghị định số 95/2013/NĐ-CP (ví dụ: bỏ khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 2 Điều 11...), Nghị định số 88/2015/NĐ-CP (ví dụ: bỏ Khoản 1 Điều 7, điểm b Khoản 2 Điều 11...), Nghị định số 88/2015/NĐ-CP (ví dụ: bỏ Khoản 2, điểm a Khoản 5 Điều 4...). | x |  | Tiếp thu trong Tờ trình |
| 221 | Nâng mức xử phạt lên gấp nhiều lần so với mức phạt cũ (từ 02 đến 03 lần) trong khi đó có một số mức phạt vẫn giữ nguyên. Theo đó, đề nghị giải trình rõ căn cứ nâng mức xử phạt như đề xuất trong dự thảo Nghị định | x |  |  |
| 222 | Tại các điều khoản quy định về mức tiền xử phạt đề nghị sửa thành “từ...đến dưới...” để phân định rõ mức tiền xử phạt của từng hành vi vi phạm |  | x |  |
| 223 | Dự thảo Nghị định chưa quy định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, vì vậy, đề nghị bổ sung chủ thể có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính phù hợp với quy định của Luật XLVPHC và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP | Bộ Quốc phòng | x |  |  |
| 224 | Về bổ sung chế tài đối với trường hợp quá thời hạn đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Hiện nay, tình trạng các tổ chức có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài vi phạm các cam kết hợp đồng lao động về vượt quá thời hạn theo hợp đồng mà không hoàn thiện thủ tục xuất khẩu lao động, dẫn đến tình trạng người lao động hoang mang, mất niềm tin, tốn kém thời gian, tài chính trong thời gian phải chờ đợi, thậm chí có những trường hợp phải chờ đợi trong thời gian dài, ảnh hưởng rất lớn đến bản thân người lao động và gia đình, vì vậy, với các trường hợp vi phạm hợp đồng lao động nêu trên nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động, đảm bảo uy tín cho các tổ chức thực hiện chức năng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hoạt động chân chính, trung thực. | Bộ Công thương |  | x | Dự thảo đã quy định xử phạt đối với hành vi “không cam kết với người lao động về thời gian chờ xuất cảnh sau khi người lao động trúng tuyển đi làm việc ở nước ngoài”. Trường hợp doanh nghiệp vi phạm, người lao động thực hiện quyền dân sự của mình để đảm bảo quyền lợi của mình. |
| 225 | Về bổ sung chế tài đối với trường hợp không cấp đổi Giấy phép đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài:  Điều 11 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có quy định về nghĩa vụ cấp đổi Giấy phép đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trước khi Giấy phép hết thời hạn theo quy định, tuy nhiên dự thảo Nghị định chưa quy định chế tài đối với các trường hợp không thực hiện việc cấp đổi Giấy phép, vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định pháp luật liên quan, nghiên cứu, bổ sung chế tài đối với trường hợp các tổ chức có chức năng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài không thực hiện việc cấp đổi Giấy phép trong thời gian quy định để đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, hướng đến mục tiêu ngày càng chuyên nghiệp, hiệu quả dịch vụ xuất khẩu lao động |  | x | Luật cho phép Doanh nghiệp có quyền cấp đổi giấy phép, nhưng nếu doanh nghiệp không có nhu cầu tiếp tục hoạt động thì có thể không thực hiện quyền này. Do vậy, không thể xử phạt hành vi này. |
| 226 | Đề nghị bổ sung 02 điều về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này của Thanh tra Bộ Y tế và Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế để bảo đảm tính đầy đủ của các cơ quan trong việc triển khai thực hiện các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này như sau:  "**Điều 49. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra y tế**  1. Thanh tra viên y tế, người được giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.  2. Chánh Thanh tra Sở Y tế có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường lao động;  c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Chương II của Nghị định;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.  3. Chánh thanh tra Bộ Y tế có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường lao động;  c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Chương II của Nghị định;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định .  4. Trưởng đoàn thanh tra y tế cấp Bộ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong  lĩnh vực hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường lao động;  c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Chương II của Nghị định;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của quy định tại Chương II của Nghị định.  5. Trưởng đoàn thanh tra y tế cấp Sở, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường lao động;  c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Chương II của Nghị định này;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.  **Điều 51. Thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế**  1. Phạt cảnh cáo;  2. Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;  3. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại điều 25 của Nghị định." | Bộ Y tế |  | x | Dự thảo đã bỏ các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế và đề xuất chuyển sang dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 176/2013/NĐ-CP do Bộ Y tế trình. |
| 227 | Đề nghị gộp Điều 1 và Điều 2 thành 1 Điều như sau:  “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng   1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức và mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. 2. Nghị định này áp dụng đối với: 3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong các hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều này xảy ra trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác; 4. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.”. | Bộ Xây dựng |  | x | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo sự rõ ràng |
| 228 | Đề nghị tách riêng thành điều “hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả” và điều “mức phạt tiền tối đa” trong dự thảo Nghị định. | x |  |  |
| 229 | Đề nghị xem xét gộp nội dung của khoản 5 Điều 20 với Khoản 2 Điều 23 vì hai hành vi có mức phạt giống nhau và cùng quy định về vấn đề an toàn lao động, vệ sinh lao động tại Điều 150 Bộ luật lao động | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  | x | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì 02 Khoản này quy định đối tượng xử phạt khác nhau |
| 230 | Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định chuyển tiếp tại dự thảo Nghị định để đảm bảo xử lý các vấn đề có nội dung chuyển tiếp khi Nghị định này có hiệu lực | x |  |  |
| 231 | Đề nghị rà soát kỹ ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo đảm bảo phù hợp quy định của Nghị định 34/2016/NĐ-CP, ví dụ: sửa các lỗi chính tả tại điểm d Khoản 4 Điều 16, điểm a Khoản 2 Điều 27 | x |  |  |
| 232 | Đề nghị bổ sung một điều quy định về biện pháp khắc phục hậu quả do các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 28 Luật XLVPHC không phải chức danh có thẩm quyền xử phạt nào cũng được áp dụng. Hợn nữa Luật giao cho Chính phủ ngoài những biện pháp tại Điều này có thể quy định những biện pháp khác, vì vậy cần phải liệt kê toàn bộ những biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Dự thảo này (các biện pháp đã được quy định tại Luật XLVPHC thì nên dùng phương pháp dẫn chiếu). Việc quy định cụ thể các biện pháp khắc phục hậu quả cũng là cơ sở để quy định dẫn chiếu đối với các điều quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại Chương V dự thảo | Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch | x |  |  |
| 233 | Điều 1 NĐ 81/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP quy định cụ thể đối tượng bị xử phat vi phạm hành chính (bao gồm tổ chức, cá nhân), vì vậy việc giải thích khái niệm tổ chức và cá nhân tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 dự thảo là không cần thiết. Chỉ cần quy định hành vi vi phạm hành chính và quy định cụ thể việc áp dụng đối với đối tượng nào như Khoản 1 Điều 4 dự thảo là phù hợp với quy định tại Luật XLVPHC và NĐ quy định chi tiết. Hơn nữa tại dự thảo chỉ nên quy định về hành vi vi phạm hành chính mà không nên quy định cụ thể chủ thể của hành vi vi phạm đó (như khoản 1 và khoản 2 điều 5). Việc quy định như dự thảo không đảm bảo tính thống nhất về nội dung (có hành vi vi phạm không quy định chủ thể vi phạm như Khoản 3 Điều 5) và mâu thuẫn với việc quy định loại trừ tại khoản 1 Điều 4 dự thảo. | x |  | Tiếp thu một phần. Dự thảo chỉ liệt kê tổ chức bị xử phạt trong dự thảo gồm những cơ quan nào. |
| 234 | Đề nghị cân nhắc hình thức và mức phạt tương đồng trong cùng một hành vi: một hành vi có thể bị phạt cảnh cáo hoặc bị phạt tiền nhưng mức phạt tiền lại quá cao (từ 1 đến 2tr đồng) như tại Khoản 1 Điều 5 dự thảo và giữa các hành vi cùng áp dụng phạt cảnh cáo nhưng mức phạt tiền lại không giống nhau (Khoản 1 Điều 5 và Khoản 1 Điều 8 dự thảo) | x |  |  |
| 235 | Đề nghị rà soát thẩm quyền xử phạt, cụ thể đối với từng chức danh cần rà soát các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả phù hợp với Luật XLVPHC | x |  |  |
| 236 | Đề nghị bổ sung các quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm liên quan đến đối tượng đóng, mức đóng, phương thức đóng BHXH, BHTN, vì: Theo điều 10 NĐ 21/2016/NĐ-CP ngày 31/3/2016 thì nội dung thanh tra chuyên ngành về đóng BHTN, BHXH, BHYT bao gồm đối tượng đóng, mức đóng, phương thức đóng BHXH, BHTN | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | x |  |  |
| 237 | Bỏ Điều 14.1.a và Điều 15.1 quy định người sử dụng lao động gửi thỏa ước lao động tập thể, thang lương, bảng lương, định mức lao động đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động cần xem xét bỏ đi trong thời gian tới vì thủ tục này mang tính hành chính, rườm rà cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam khuyến nghị bỏ Điều 14.1.a và Điều 15.1 | Liên minh Hợp tác xã Việt Nam |  | x | BLLĐ sửa đổi chỉ dự kiến bỏ thủ tục đăng ký thang lương, bảng lương, định mức lao động, chứ không bỏ thủ tục gửi. |
| 238 | Bổ sung quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các nội dung sau: (1) Sử dụng quỹ BHXH không đúng mục đích; (2) Truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu trái pháp luật về BHXH |  | x | Quỹ bảo hiểm xã hội do cơ quan bảo hiểm xã hội quản lý và cơ quan bảo hiểm xã hội không thuộc đối tượng xử lý vi phạm hành chính theo Luật XLVPHC.  Hành vi truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu trái pháp luật về BHXH sẽ được quy định xử phạt trong NĐXPVPHC trong lĩnh vực công nghệ thông tin. |
| 239 | Đề nghị bổ sung nội dung xử phạt đối với các hành vi vi phạm của Chi nhánh doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài | Sở LĐTBXH Hải Dương |  | x | Đã quy định xử phạt tại Khoản 4 Điều 40 của dự thảo 2 Nghị định. |
| 240 | Đề nghị bổ sung thêm hành vi doanh nghiệp đưa người lao động đi học tập nước ngoài không đúng quy định |  | x | Đã quy định xử phạt tại điểm b Khoản 3 Điều 45 của dự thảo 2 Nghị định. |
| 241 | Bổ sung thêm hành vi ký hợp đồng lao động với người nước ngoài, sử dụng không đúng vị trí làm việc; hành vi không trả giấy phép lao động khi không còn sử dụng |  | x | Trường hợp hợp đồng lao động không đúng với nội dung giấy phép thì theo quy định tại Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật lao động, giấy phép lao động đó bị hết hiệu lực. Do vậy, không cần phải xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp này. |
| 242 | Chương IV của dự thảo Nghị định đề cập đến hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đối với tổ chức, doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhưng chưa đề cập đến cá nhân tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Do đó, đề nghị xem xét bổ sung thêm vào dự thảo Nghị định hình thức xử phạt đối với trường hợp tổ chức cá nhân có hành vi đưa người lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc trái quy định của pháp luật | Sở LĐTBXH Bến tre | x |  |  |
| 243 | Đề nghị bổ sung điều, khoản xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về sử dụng lao động thông qua người cai thầu theo quy định tại Điều 99 BLLĐ, vì hiện nay có một số lượng lớn lao động làm việc thông qua cai thầu hoạt động chủ yếu là nghề xây dựng dân dụng, trồng rừng, sản xuất vật liệu xây dựng...quyền lợi người lao động chưa được đảm bảo, có nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cao, chưa có chế tài và các biện pháp xử lý | UBND tỉnh Đăk Nông | x |  | Nghiên cứu để làm rõ hơn trách nhiệm của người cai thầu, người sử dụng lao động đối với người lao động trong Luật nội dung (BLLĐ sửa đổi), và sẽ bổ sung hành vi vi phạm nội dung này trong lần sửa sau. |
| 244 | Đối với các biện pháp xử phạt bổ sung được quy định tại các Điều của dự thảo, đề nghị bãi bỏ biện pháp xử phạt bồ sung “đình chỉ hoạt động từ 01 – 3 tháng đối với người sử dụng lao động” vì thực tế không áp dụng được, nếu áp dụng sẽ ảnh hưởng đến chế độ, quyền lợi của nhiều người lao động, ảnh hưởng đến các vấn đề an sinh xã hội và đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương. | Sở LĐTBXH Đồng Nai | x |  |  |
| 245 | Đề nghị xem xét sửa một số lỗi chính tả trong dự thảo Nghị định | Sở LĐTBXH Phú Thọ | x |  |  |
| 246 | Đề nghị bổ sung thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm hành chính nêu tại Chương IV của dự thảo NĐ đối với Chủ tịch UBND cấp huyện (hiện nay dự thảo chưa quy định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện đối với lĩnh vực này trong khi hoạt động của các đơn vị làm công tác xuất khẩu lao động đều diễn ra trên địa bàn cấp huyện, do đó, hiệu quả quản lý nhà nước trên của UBND cấp huyện đối với lĩnh vực này chưa cao | x |  |  |
| 247 | Đề nghị cơ quan soạn thảo cần điều chỉnh thống nhất thứ tự các điểm a, b, c...tại Dự thảo vì Khoản 1 Điều 20 có b,c nhưng không có a; Khoản 3 Điều 24 quy định các điểm a, b, đ nhưng không có điểm c, d | Sở LĐTBXH Phú Yên | x |  |  |

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

1. Đã đăng website Chính phủ và website của Bộ xin ý kiến dự thảo Nghị định tại Công văn số 1007/LĐTBXH-PC ngày 15/3/2018. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ngày 15/3/2018, Bộ đã có Công văn số 1006/LĐTBXH-PC gửi xin ý kiến Bộ, ngành, địa phương đối với dự thảo Nghị định. [↑](#footnote-ref-2)